

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

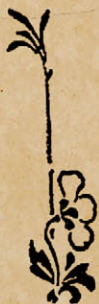
VĂN-ĐỀ CẢI-TẠO XÃ-HỘI

Xuân đã giữa mùa, cỏ cây dâu dấy đều đã chứt bỏ hết lá cũ cánh khô đi, mà thay thuần lá mới cánh tươi vào, chỗ thì đang ra hoa, chỗ thì đã kết-quả, khắp thế-giới dâu dấy đều phô-bày ra một cái cảnh-sắc mới-mẻ đẹp-đẽ, một cái khí-tượng sinh-hoạt tung-bừng. Thế mà cái cây nào lúc đó mà hãy còn đeo những cánh khô lá úa trên thân, tiêu-sơ ủ-rũ; thì cái cây ấy phi đã chết rồi, tất cũng già-cỗi hầu hết sinh-khí mà không đủ tự phẩn-khởi lên được.

Giữa dòng nước siết, gió to sóng cả, một con thuyền lên ngược, không tiến vượt lên được, thì tất phải trôi trìm, không có thể nào mà cứ chơi-vơi lơ-lửng ở một chỗ mà yên-lạnh.

Coi hai cảnh-tượng đó thì biết tình-trạng của một dân-tộc chậm bước ở trên con đường tiến-hóa của thế-giới ngày nay cũng y như thế không khác gì.

Dân-tộc Việt-Nam từ khi lập-quốc, hơn một nghìn năm, sống ở dưới chế-độ gia-trưởng. Trên từ khu sao Dục, sao Chẩn, dưới đến vùng núi Tản sông Lô, cũng vương cũng đế, cũng nghiêm-nhiên một thế-thống con trời. Nam tuy có Chiêm có Lào, nhưng hủ-lậu hèn kém không đủ so-sánh. Duy bắc có Trung-quốc cường-đại và văn-minh, nhưng cường-đại thì hoặc chống-cự hoặc thù-phụng cho yên, còn văn-minh thì mò-phóng lấy đề tự-hóa cho mình cho đồng-dẳng. Non sông một dải, nòi-giống một nhà, an-cư lạc-nghiệp, thanh-bình hàng hai ba trăm năm một hồi. Không giao-thông với nước nào, không cạnh-tranh với dân-tộc nào. Tín-ngưỡng một tôn-giáo, tôn-sùng một học-vấn, chịu quen một lối sinh-nhai. Đã không trông thấy ai hơn tất



tưởng mình là tốt-bạc, không trông thấy cái gì lạ tất nghĩ chỉ có những cái cũ là hay. Bởi vậy trước thì tự-túc mà dương-thành cái tính biếng-lười, sau thì tự-đắc mà gây nên cái khí kiêu-ngạo. Cho gầm trời chỉ có Trung-quốc với nước mình mà thôi.

Đã không so-sánh còn biết thế nào là hơn kém, đã không cạnh-tranh thì còn cần gì tiến-bộ, cần gì canh-cải cho ngày thêm mới để kịp người. Mọi việc trong xã-hội bèn vì đó mà ngưng-trệ cả lại, vì đó mà ngày càng hủ-bại tồi-tàn mãi đi. Giấc ngủ mấy nghìn năm còn đang thiêm-thiếp trong cái buồng kín Đông-Á, không-khi khô-khan và nồng-nực, xung-quanh sức những mùi thịt xôi dính dằm, cùng những giọng văn-chương tán-tụng khoa-căng, thì bỗng hội doanh-hoàn đổi mới, gió Mĩ mưa Âu ầm-ầm kéo đến, khiến cho con ma ngủ giật mình mở mắt, thấy sáng mà kinh, thấy mới mà sợ, bàng-hoàng thất-thố không biết tính sao, đành ngồi bó gối chịu lỗ thời-cơ mà nhường quyền biến-cải cho tạo-vật.

Thời-thế với canh-ngộ của xã-hội Việt-Nam gần đây về trước há không phải như cái tình-trạng vừa nói đó ư?

Một cái nhà làm đã lâu đời, hiện-tượng mỗi một hư-hông ở trong, không phải nói ai cũng thừa biết. Nếu lúc đó không kịp dỡ xuống mà làm lại thì tất gió mưa cũng đánh đập cho đổ đi. Dỡ xuống làm lại là quyền do nhân-sự, gió mưa đánh đổ là quyền do thiên-nhiên; Quyền do nhân-sự là chủ-nhân trong cái nhà đó còn đủ trí-lực để mưu tự-lõn, nên nhà cũ dỡ xuống, liền có nhà mới dựng lên ngay. Còn quyền ở thiên-nhiên là chủ-nhân trong nhà đó không còn có trí-lực phẩn-khởi được nữa, nên nhà cũ bị đổ thì nhà mới cũng khó có lúc dựng lên. Cái nghĩa đảo-thải tự mình với đảo-thải tự trời là như thế, không làm đảng nợ tất phải chịu đảng kia, không tài nào tránh khỏi. Thế cho nên đến ngày nay đối với cái nhà cổ-hủ của xã-hội Việt-Nam, tức là đối với mọi cái chế-độ tập-tục, mà còn muốn khư-khư giữ lấy nề-nếp xưa, không chịu đổi thay di-dịch chút nào, thì kẻ ấy phi là ngu-xuẩn tất là giả-dối.

Tuy thế nhưng lại phải biết rằng cùng là một việc, nhưng thời-gian đã thay thì thủ-tục làm cũng phải khác. Tức như cái vấn-đề cải-tạo cho xã-hội Việt-Nam này, nếu sớm từ sáu bảy mươi năm về trước, người ta tỉnh-ngộ mà biết làm, thì thủ-tục thay cũ đổi mới bấy giờ nó đi một cách. Nhưng rủi cho chúng ta đến ngày nay mới biết lo mà làm, thì thủ-tục thay cũ đổi mới bấy giờ nó lại phải đi một cách khác. Nghĩa là bấy giờ trật-tự còn y-nguyên, việc canh-cải là do ý-chí người trên

nhân vì mình mà vì cả cho toàn-thể. Người trên có quyền nên công việc làm cũng dễ. Mà làm thì thế tất phải canh-cải từ cội gốc của nền chính-trị trước, rồi mới đến những vấn-đề xã-hội, vấn-đề sinh-hoạt sau. Đến bây giờ kỹ-cương đã đổi thay, việc cải-cách là do ý-chí dân-chúng muốn tự-mưu cho được thích-hợp với trào-lưu thế-giới mà được sinh-tồn. Dân-chúng là một số đông đã vô-quyền lại tán-mạn, nên công việc làm lại càng thêm khó. Mà làm thì thế tất phải lo cải-tạo cho vấn-đề xã-hội, vấn-đề sinh-hoạt trước đã. Sau mới tiến lên vấn-đề chính-trị. Làm như cách trên là đổi thay từ gốc cho vững-vàng, đề canh là có chỗ nhờ mà phát-đạt. Làm như cách dưới là gây lại nền móng rồi mới có chỗ mà xây dựng lâu-dài. Cách trên ta gọi là Quốc-gia tự-mưu tiến-bộ, cách dưới ta gọi là Dân-chúng tự-mưu cải-tạo.

Lệ thường tiến-hóa đều phải có số-nhân. Cho nên nay ta xét lại đầu cũ tiến-hóa của các dân-tộc Âu-châu, bắt đầu đều phải do có cuộc Quốc-gia tự-mưu tiến-bộ, rồi mới có cuộc Dân-chúng tự-mưu cải-tạo được. Là vì thế này, bắt đầu do một số ít người trên được sớm chịu ảnh-hưởng của thời-thế mới, bèn ra tay-mưu sự tiến-bộ cho quốc-gia, mà đem ít nhiều giáo-hóa mới truyền-bá cho dân-chúng. Dân-chúng nhờ được ít nhiều giáo-hóa mới rồi, trí-thức đã có mở-mang, bấy giờ mới đứng lên lo làm cho cuộc đời của mình càng được mới-mẽ mà thịnh-vượng hơn trước. Xem như dân Nga trước hồi Bê-dác (PETER) cải-cách, dân Nhật trước hồi Minh-trị duy-tân, cho đến dân Ý trước hồi thống-nhất, thì họ cũng vụng-về hủ-lậu có khác gì dân Việt-Nam.

Vấn biết thời-đại ngày nay là thời-đại của chủ-nghĩa bình-dân, nhưng trước khi giáo-hóa mới chưa mở-mang, hoặc đã mở-mang mà chưa phổ-thông, thì một bầy hung-nhục đen đầu, vô-quyền và tán-mạn, phỏng còn có biết gì mà làm gì. Thế mới biết làm gì cũng phải có cái vốn. Cái vốn để cải-tạo cho xã-hội là phần dân-trí vậy. Không có trí-thức mới, thì không biết thế nào là hay dở mà cải-cách, mà dù có cải-cách cũng không có phương-pháp mà không nên cách-bộ gì. Ấy thế mà dân Việt-Nam ngày nay đã không nhờ được có cái vốn sẵn, lại phải làm lấy cái việc bòn-phận mình, tức là cái cuộc tự-mưu cải-tạo cho vấn-đề xã-hội, vấn-đề sinh-hoạt của mình. Coi đó thì đủ biết không phải là dung-dị.

Mấy năm gần đây, nền giáo-dục mới Nhã-nước đã có mở-mang, nhưng chưa được phổ-thông và phổ-cập. Thời-buổi sống bằng trí-xảo, mà trí-khôn của số nhiều còn úng-tắc, nên không đủ cạnh-tranh đề

mu sinh-hoạt ; chốn thôn-quê ngày càng thấy hiện ra cái cảnh-tượng tiêu-diêu. Như vậy mà bản đến vấn-đề cải-tạo xã-hội thì dù không khó như định lên trời, cũng đến như là muốn đi buôn mà trong tay không có một đồng vốn. Song-le cuộc tranh sống của thế-giới ngày càng kịch-liệt hiềm-ngoào, thời nó bách, thế nó xô, không sao tránh khỏi, thế mà đến nay mới nói cải-cách cũng là muộn lắm rồi, nhưng muộn còn hơn là không. Vậy kíp nay không biết tự-muru đề cải-tạo lại cho xã-hội, cho mọi sự sinh-hoạt hằng ngày ; dứt bỏ hết mọi cái cựa-hủ nó bó-buộc, nó làm chường-ngại cho mình đi, mà đón rước lấy mọi cái mới-mê tiện-lợi khoái-hoạt của thế-giới, thì quyết-nhiên là không giữ vững được cái cơ sinh-tồn.

Như vậy thì đồng-thời chúng ta bản đến vấn-đề cải-tạo xã-hội, chúng ta cũng phải lo đến vấn-đề dân-trí. Không phải là chúng ta phải đợi cho bao giờ dân-trí đã mở-mang hoàn-toàn rồi, mới nên nói đến vấn-đề cải-tạo xã-hội, mà chính là chúng ta muốn vì xã-hội mưu cải-cách sự gì, trước phải xét xem dân-trí đã đủ hiểu việc ấy hay chưa.

Nếu dân-trí chưa được số-nhiều hiểu rằng việc ấy vì sao phải thay đổi, và thay đổi sẽ có lợi gì, thì nhà chủ-trương cải-cách về việc ấy phải hết sức giảng-giải cho đủ hiểu. Hết thấy mọi việc về xã-hội như lễ-nghi, tục-lệ, nghề-nghiệp, cách ăn ở cùng chính-sách tự-trị các địa-phương, muốn cho việc cải-cách nào có hiệu-quả thực-hiện về việc ấy, đều nên làm như vậy.

Dân-trí như ruộng đất, những phương-sách mới như hạt giống. Tuy có hạt giống quý mà không có nơi ruộng đất tốt, cũng không nảy-nở phát-đạt lên được. Các ông há không thấy một cuộc cải-lương hương-chính mới đây, thực là một cuộc cải-tạo từ chỗ cội gốc cho xã-hội, xã-hội nhà quê và xã-hội kẻ chợ. Việc đó do kẻ thức-giả yêu-cầu, Chính-phủ dòn-dốc, việc đó mà thực-hành được khắp cả, thì mọi vấn-đề khác về xã hội, đều nhân đấy mà lục-tục thay cũ đổi mới đi được hết. Ấy thế mà chỉ vì dân-trí số nhiều còn hôn-ám, bắt đầu còn sợ mệnh-lệnh hoặc cầu danh-dự, mà vài nơi hư-ưng làm được đôi việc hình-thức bề ngoài. Tới khi cái dây trong buồng trò mùa dổi không giạt nữa, thì bao nhiêu người mới đều ngã vật ra mà không động-dậy. Cuộc cải-lương hương-chính bèn thất-bại. Tấn kịch thị xôi trung-đỉnh lại đắ-thắng, đòi lại sân khấu mà diễn lại vở tuồng xưa.

Suy một việc cải-lương hương-chính này, thì biết công-cuộc cải-tạo cho xã-hội không kỳ việc lớn việc nhỏ nào, đều phải nhờ có cái đất là dân-trí mới được. Vậy nhà nhiệt-tâm muốn cải-cách cho xã-hội việc gì, phải nên chú ý về chỗ đó, làm thế nào cho người ta hiểu thấu về cái phương-sách hay ấy của mình trước đã.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Phái nhà nho khoảng ba-mươi năm nay đòi với sự học cũ



Sự tiến-hóa trong cuộc đời từ xưa đến nay chẳng ngoại có hai đường: Một là đường kinh-nghiệm, hai là đường tãng-mĩ. Đường kinh-nghiệm đó là thuộc về phần cũ, đường tãng-mĩ đó là thuộc về phần mới. Nói kinh-nghiệm mà chẳng biết nói tãng-mĩ, thì ví như người chỉ biết đứng mà không biết đi, nói tãng-mĩ mà chẳng biết nói kinh-nghiệm, thì cũng ví như người chỉ biết nhắm mắt đi liều mà không biết ngành đầu trông lại, hai cái tệ ấy đều bất-dung ở trong cuộc tiến-hóa của loài người.

Quốc-dân ta ngày nay đòi với con đường mới, đã thuộc về cái trào-lưu nó xô-dẩy, chẳng phải đợi ai hô-hào mà đã có cơ tràn-ngập. Đòi với con đường cũ, đã thuộc về cái thời-thế nó áp-bách, chẳng phải đợi ai phá-hoại mà đã có thể tiêu-hao. Ôi! Cái sự mà đã gọi là tràn-ngập đó, thì ví như khi nước lụt, sóng cả mênh-mông, chửa biết đâu là bờ, chửa biết đâu là bến, khi đó thực dễ chìm đắm như chơi, và cái sự mà đã gọi là tiêu-hao đó, cũng ví như lúc sóng lờ, đất sụt dần dần, cần nhà tảng cột của tổ-tiên di-truyền lại sập-sửa trôi về bề đông, lúc đó cũng dễ bơ vơ như bèo. Nên chi phàm những kẻ có chí đối với cuộc đời, đừng thấy cái tân-trào nó bành-trướng mà đã vội mừng, cũng đừng thấy cái cựu-sự nó hoang-lương mà đã vội chán, Ta phải đề lòng suy-nghĩ quan-sát, khi tiến hành

cũng chớ nên tiến-hành một cách vô-ý-thức, mà khi lập ngọn cũng chớ nên nói liều. Nếu không thế thì e rằng sẽ có một ngày kia dất nhau xuống giếng cả, khá lo thay! mà cũng khá sợ thay! Vì cơ lo sợ, cho nên đối với đường kinh-nghiệm và tãng-mĩ, trong hai đường ấy phải chú-trọng cả hai.

Song-le, phần kinh-nghiệm là phần gốc, phần tãng-mĩ là phần ngọn, muốn xét về phần ngọn, trước hết phải xét về phần gốc. Quốc-dân ta là một dân-tộc đã có cở-học cở-văn-minh, là một dân-tộc đã có kinh-nghiệm. Sự kinh-nghiệm của dân-tộc ta trải bao nhiêu thế-kỷ cho đến ngày nay. Về khoảng ba-mươi năm gần mới đây, quốc-dân đòi với sự học cũ, nào là sự biến-thiên về thời-gian, nào là sự cảm-tượng về tâm-lý, tự-trung rất có ảnh-hưởng sâu-xa, cái bước quan-hệ về tiền-đồ không phải là nhỏ, há chẳng nên kê qua ra đây, chẳng những để làm một mảnh gương sáng cho cuộc hiện tại, mà chính để làm một thẻ bói-thăm cho cuộc tiền-đồ vậy.

Hạng người thân-thiết trực-tiếp ở trong thời-kỳ tân-cựu giao-đổi biến-thiên khoảng 30 năm đó, thì thứ nhất là phái nhà Nho. Vì bắt đầu cầm vận-mệnh cho đất nước, làm tai mắt cho quốc-dân, há chẳng phải là phái nhà Nho? Nói đến trung-gian, cầm cái nghĩa-vụ hô hào, xướng cái phong-trào cải-cách, lại há chẳng phải là phái nhà Nho?

Kịp đến gần đây, xử cái địa-vị thoái-hưu, hưởng cái thú-vị ngôn-luận, lại há chẳng phải là phái nhà Nho?

Xét ra cho đúng, thì phái nhà Nho gần mới đây, thực có quan-hệ với cuộc đời. Vì cơ sao? Vì một thân kẻ nhà Nho mà trong khoảng 30 năm, trải đủ mọi đường vinh-nhục thăng-trầm phần thì lẫn-lộn với phong-trào, phần thì ứng-tiếp với thời-thế, lại phần thì đối với văn-hóa phương Đông mà làm nền gốc cho xã-hội. Phái nhà Nho tự nay trở đi, như ông sao lúc gần sáng, chắc là ít dần đi. Nhưng thế nào mặc dầu, còn người nào là còn cõ-học người ấy, còn ngày nào là còn nghĩa-vụ ngày ấy, còn lời nào là còn ảnh-hưởng lời ấy. Ví-dù phái nhà Nho mà khôn-ngoa có ý-thức, thì xã-hội phần ích cũng được nhiều. Ví-dù phái nhà Nho mà hủ-bại không ý-thức, thì xã-hội phần dở cũng không ít. Nên-chỉ cái vấn-đề đối với sự học cũ là cái vấn-đề khẩn-thiết của quốc-dân ngày nay, không thể không giờ-giới đến được. Nay muốn giờ-giới đến vấn-đề ấy thì chẳng kể phái nhà Nho trước thì kể ai, mà chẳng trách phái nhà Nho trước thì trách ai, chẳng mong phái nhà Nho trước thì mong ai?

Tuy vậy, trong phái nhà Nho, khoảng 30 năm nay đối với sự học cũ cũng lại có ba phái:

Phái thứ nhất thì nhờ về cái tinh-hoa của Khổng-giáo, biết đạo minh-đức, biết nghĩa tùy-thời. Kịp khi gặp có phong-trào duy-tân của Trung-quốc, lĩnh-ngộ ra rằng lối khoa-cử là hủ-bại, không đủ ứng-tiếp với thời-đại đua chen, cực-lực hô-hào công-kích lối cũ, hoan-nghehnh lối mới, để làm tại làm mất, hướng-đạo cho quốc-dân. Cuối sách họ Khang họ Lương chẳng khác gì cuốn kinh nhật-tụng, hai chữ

duy-tân chẳng khác gì hai chữ thần-thánh. Nhất-thiết lời học cũ đều cho là hủ-bại hay là nhi-hí. Thậm-chí có danh-từ là thủ-cựu-qui-dễ chề những kẻ nhà Nho không biết duy-tân. Trong khi hô-hào đó không khỏi có lời thiên-lệch quá đáng, nhưng lại gì uốn cong thì phải quá thẳng, cũng không trách gì những kẻ nhà Nho bấy giờ. Kịp về khoảng độ hai-mươi năm nay, quốc-dân đã tỉnh-ngộ, việc học đã thay đổi, phạm sự đã canb-tân, cái phong-trào tán đã bành-trướng, người tán thói tán, gạt đi cũng chẳng hết, ngấn đi cũng chẳng xiết. Trong khi khuynh-hướng về đường tân đó, tiếp-thụ được cái tinh-thần thì phần ít, cúi mặt được cái vô cặn thì phần nhiều, những trò nực cười của xã-hội, mới hằng ngày diễn ra, khiến cho chữ tân cũng ít có giá-trị gì nữa. Trước kia văn tửng phái thủ-cựu là hủ-bại, ngờ đâu ngày nay phái duy-tân hủ-bại hoặc lại có phần hơn. Đó là cái thông-tệ của thời-đại cái-cách mới cũ giao nhau, cũng chẳng khắc-trách gì hạng người ở về thời-đại âu-trĩ. Duy điều nguy-hiểm nhất là luân-lý phong-tục đã có cơ khủng-khoảng, đạo-đức học-vấn đã có chiều dờ-dang, cái nền tảng dựng nhà dựng nước của quốc-dân đã có chiều lay chuyển, cái gốc rễ làm cha làm con làm vợ làm chồng v. v. của quốc-dân đã có bề lung lay. Những chữ phạm-các làm người như chữ biểu chữ trung, chữ nhân chữ nghĩa, chữ liêm-sĩ, cho cả đến những chữ ăn-chơi như chữ hào-hoa phong-nhã nữa, trước kia là chữ đáng giá nghìn vàng, mà ngày nay nói đến thì dường như là chữ đã trần-hủ. Ấy về phần quốc-hồn quốc-tủy của quốc-dân đã như cái dây sắp sửa đứt rồi đấy, mà con đường văn-minh lạc-lợi thì còn mộng-ảo ở tận đầu đầu. Phái nhà

Nho ấy biết rằng cái thời-dại tự khoảng hai-mươi năm nay là đã thuộc về thời-dại nghiên-cứu, thời-dại lo-toan, thời-dại văn-hồi, thời-dại kiến-thiết, không phải là thời-dại hô-hào, thời-dại phá-hoại như hai-mươi năm về trước nữa; nên chỉ phải chăm-chước tinh-thế mà thay-đổi phương-châm. Đối với phương-diện mới thì đề lòng suy-xét, đối với tinh-túy cũ thì hết sức bảo-lồn, một bước không dám tiến liêu, một lời không dám câu-thả. Ngày trước nói duy-tân, ngày nay nói thủ-cụ, trước sau là một người mà chủ-nghĩa không trái-ngược nhau gì cả; vì như thế mới là chủ-nghĩa cứu-thời cứu-thế, mới là con người không phụ quốc-đâu.

Phái nhà Nho ấy thực cũng có can-dảm, đứng giữa trần-ai, không bị luồng sóng gió của thời-hế cuốn đi, mà dám tự-tin rằng mười-lăm năm về trước bề người nào nói được chữ duy-tân là thành nhân-chi-dồ; mười-lăm năm về sau bề người nào nói được chữ thủ-cụ là thành nhân-chi-dồ vậy. Hoặc có kẻ trách rằng: Hiện nay những thói hủ-bại cũ trong xã-hội, đã trừ bỏ hết đâu, mà đã vội nói thủ-cụ. Phái nhà Nho ấy cũng có thể trả lời được rằng: Những điều mà đã gọi là hủ-bại thì ở vào thời-dại nào mà chẳng nên công-kích, vì những điều ấy là thuộc về phong-tục xấu-xa, của tầng hạng người trong xã-hội, không dự gì đến cái tinh-lý duy-tân và cái chính-nghĩa thủ-cụ.

Phái thứ hai là phái nhà Nho lười biếng bạc-nhược. Tuy là danh-hiệu nhà Nho, nhưng kỹ thực cũng không phải là chi-khi nhà Nho. Cái thái-phận các ông ấy chỉ theo phong-trào của thời-dại mà lên xuống. Thời-dại dùng chữ Nho thì các ông ấy lên như mây, thời-dại không dùng chữ Nho thì các ông ấy cái linh-thần chết hẳn. Hoặc là dùng-đỉnh

trong ngõ cụt lừng, hoặc là tiêu-đao trong làng túy-hương, hoặc là nằm co trong miền sơn-dã, hoặc là khốn-quần về đường y-thực, nhưng đại-khái là cầm cái nghĩa yếm-thế, tỏ ra ý bi-quan; về đường đạo-đức thì cũng nửa thanh nửa trọc, về đường học-thuật văn-chương thì dường cũng như pháo tịt ngòi. Thậm-chí hoặc có ông cho mình là làm, học sách thánh hiền là hờ, theo dõi chữ Nho là vô-ích, há chẳng nực cười thay! Những ông nhà Nho có gia-sản một chút thì xua hàng con em khiến theo cả về đường lân-học, sự ấy vị-tất đã toàn có kết-quả hay, nhưng sự ấy là sự nghèo-học thời-thế, không hề phải bần. Duy lạ nhất là những ông nhà Nho, nhà tuy nghèo nhưng hàng con em cũng khá đông, mà sách vở cũng khá phong-phú. xem ra thì hàng con em nhân-cư vô-sự. hàng phụ-buynh cũng ngày tháng thông-dong, đường tân-học đã không đủ tư-cách theo dõi, mà đường cựu-học cũng không chịu giáo-đục con em. Các ông ấy chẳng ngó đến cuộc đời thì chớ, các ông ấy lại chẳng đoái đến sự hạnh-phúc của gia-đình đấy ư? Các ông ấy đối với cuộc đời tuy không ảnh-hưởng gì, nhưng hàng con em các ông ấy đối với cuộc đời thì có ảnh-hưởng lắm. Vì *tứ-thư lục-kinh*, đạo-đức chính-trị là phần quốc-hồn quốc-túy di-truyền kinh-nghiệm khoảng mấy nghìn năm nay. Đến đời con em các ông ấy mà giữa chừng đoạn-tuyệt hẳn; khiến cho người phụ-huynh với người con em trong một gia-đình mà khác nhau như người hai nước hay là hai giống. Cái văn-minh cũ đã tuyệt thì tiếp-thụ thế nào được cái văn-minh mới. Vô-luân ông nhà Nho giàu hay là ông nhà Nho nghèo, bề hàng con em mà mĩ-dặc không biết một chữ Nho nào thì đều có cái tệ ấy cả. Những hạng con

em lại phần nhiều là những hạng thông minh tài tuấn có sẵn, và lại là số nhiều, mà kết-quả không khỏi là hạng người bất-học vô-giáo : mà những kho sách vở quý báu của nhà các ông nghìn vàng cũng không mua được ấy, chẳng bao lâu sẽ không phải đợi đến tay Tần Thủy-hoàng mà cũng tự-nhiên tiêu-diệt đi. Những kẻ hữu-chí với cuộc đời há chẳng thương-tâm !

Phái thứ ba là phái a-dua, phái ấy chỉ biết theo đời mà không biết văn-cứu cho đời. Phái ấy thường có cái kỹ-dạng nghênh-hợp phong-trào, và cái tâm-lý sách-ảo hành-quái (1). Nên chỉ ở thời-dại nào cũng mở-mang miệng lưỡi, vẽ-vời văn-chương, khác với phái nhà Nho lưu-lĩnh. Đường lúc dân-trí còn chưa khai, vạn-sự còn ế-trệ, phái ấy hô-hào duy-tân, công-kích thủ-cự, ai bảo rằng không phải. Kịp khi cái cảnh-tượng trong thời-giáo nó đã biến-đổi, gián-cách kẻ đã ba mươi năm, tình-trạng trong xã-hội ngày nay không phải như tình-trạng ngày trước nữa, hai chữ duy-tân đã toả ra hai chữ hủ-sáo ; thậm-chí người ấu-trĩ cũng biết nói chữ ái-quốc, kẻ thôn-quê cũng biết nói chữ nhiệt-thành, kẻ đông-dại cũng biết tạ-khầu (2) chữ bình-đẳng chữ tự-do, gái giang-hồ, trai ong bướm cũng biết tạ-khầu chữ văn-minh, kẻ dè-tiền hóa-xu cũng biết tạ-khầu chữ vạn-động. Phàm kẻ tri-thức ở thời-dại này, chỉ nên so-sánh về đường tinh-thần, nghiên-cứu về đường chính-đạo, kiến-lập về cách khôn-ngoan, để làm lĩnh-tụ cho quốc-dân, quốc-dân hoặc có phần nhờ thì mới phải, chứ cứ hô-hào với cử-động suông thì cũng vô-ích. Đến

như phần văn-hóa của Đông-phương, học-thuyết của tiên-triết, gốc nhà gốc nước, quốc-bổn quốc-tủy của quốc-dân, phái ấy có từng đề ý bảo-lồn văn-cứu cho quốc-dân nhờ đấy không ? Hay là chỉ khư-khư giữ lấy cái thuyết tông-tân xả-cự là cái thuyết trần-hủ ngoại 20 năm về trước, đề a-dua thời-thế đấy dư ? Nói cho đáng thì phái ấy đã từng đọc sách Khang Lương, nhưng cái thuyết của Khang Lương chỉ giá trị ở thời-thế Khang Lương mà thôi, chứ thời-thế ngày nay thì cái thuyết của Khang Lương ít còn giá-trị gì nữa. Ôi ! Cái cơn mưa tân-trào kia dương kéo đến ầm ầm, phái ấy chẳng tìm cách xây cửa xây nhà cho vững chãi mà lại còn té nước để chực theo. Cái dây cụ-bộc nọ, nó đã sắp sửa đứt, phái ấy chẳng tìm cách giàng buộc tiếp nối, lại còn toan cầm dao cắt đứt đi. Vậy thì nghĩa cứu-thế ở đâu ? Đời còn được nhờ gì nữa. Phái ấy hẳn đã từng đọc sách Khổng Mạnh, ông Khổng-tử sinh ra đời Xuân-thu, khi lập thuyết hẳn cũng chẳng a-dua gì đời Xuân-thu, ông Mạnh-tử sinh ra đời Chiến-quốc, khi lập-thuyết hẳn cũng chẳng a-dua gì đời Chiến-quốc, con nhà Khổng Mạnh lại phải bắt chước ai ?

Luận-giả đây vốn cũng là một kẻ nhà Nho, đã từng trải qua cái thời-kỳ khoảng 30 năm ấy, tuy là kẻ bất-tài, nhưng bình-sinh vẫn ham thích học đời về phái thứ nhất, nên chỉ 15 năm về trước vốn ham thích về chủ-nghĩa duy-tân, 15 năm về sau lại ham-thích về chủ-nghĩa bảo-lồn quốc-tủy. Trước kia luận-giả đã có hai bài văn đăng ở trong bản-chí, đã từng suy xét về hai chủ-

(1) Làm những việc cầu-kỳ quái-lạ,

(2) Nhờ mượn vào đấy làm có để nói.

ngĩa ấy. Một bài đề là «Câu truyện cây băng bút», trong có một đoạn kể ra lịch-sử ông Tô Đông-Pha; một bài đề là «Hàn về nhân-vật Lương Khải-Siêu», trong có một đoạn dẫn ra lời ông Chu Hi, nay lại xin nhắc qua ra đây, đề làm lời chùng-giải cho bài này.

Hai đoạn trích ra như sau :

«... Đời Tống có thầy Tô Thức, thầy làm quan lịch-duyet ba triều. Triều Nhân-tôn là triều bảo-thủ, mọi sự đều hủ-bại, thì thầy chủ-trương thuyết cải-cách. Đời Thần-tôn là đời cải-cách, pháp-độ đều biến-loạn, thì thầy chủ-trương thuyết bảo-thủ. Vì thầy chỉ ở cứu đời, không chỉ ở theo đời, một điều ấy đủ làm gương cho vạn-thế. Đời gọi thầy là con ngựa câu đi ngược gió, con chim học dờng giữa dòng... »

«... Lương tiên-sinh bình-nhật rất kính phục ông Chu Hi, từng than rằng thầy Chu Hối-Am ta chẳng sinh ra ở đời này. Lại từng dẫn lời ông Chu Hi nói: «Dạy kẻ học như dlu đỡ người say rượu, đỡ được khỏi xiêu về đàng

tây thì lại dẹo về đàng đông». Tiên-sinh dẫn lời đó là tỏ ý kính hãi than thở cho cuộc đời. Vì trước kia cho lối cũ là hủ-bại mà hết sức công-kích đi đề trau-giồi lối mới cho quốc-dân. Kịp quốc-dân khi đã hấp-thụ được lối mới thì lại mới quá, so với lối cũ thì hủ-bại lại có phần hơn. Phạm người quân-lử liếc mắt ra cuộc đời, thấy cái hiện-tượng như vậy, phải nên kịp tìm phương-pháp vãn-hồi. Nên chi tiên-sinh thường tỏ ý rằng lối tân không phải là đàng ghét, chỉ ghét kẻ nguy-duy-tân mà chẳng ghét kẻ chân-duy-tân. Lối cựu cũng có đáng quý, nhưng chỉ quý kẻ chân-thủ-cựu mà chẳng quý kẻ nguy-thủ-cựu... »

Độc-giả coi đến đây, chắc có người chê luận-giả rằng: «Anh thật là kẻ nhà Nho lắm, ở nhị-thập thế-kỷ này mà chỉ biết có Tô Đông-Pha, Chu Hi mà thôi. Luận-giả xin kính tạ rằng cảm ơn tri-kỷ.»

NGUYỄN ĐÀN-PHỤC



PHẬT-GIÁO

YÊU-LUẬN



Phật-học ở hiện-đại có vẻ tiến-bộ, không những các nhà học-giả ở Đông-phương đua nhau nghiên-cứu mà bên Thái-tây cũng có nhiều người xuất-gia theo Phật. Ở nước ta cũng vậy, độ vài năm nay, về phái học Phật, ngày thấy cái cảnh-tượng phục-hưng, vậy thì cái hiệu-quả Phật-học thế nào, chúng ta cũng nên xét chỗ khái-yếu, đề cống-hiến với các độc-giả.

Phật-giáo là một tôn-giáo rất lớn, có nhiều tông-phái, mỗi tông-phái xu-hướng một khác, nay chúng ta muốn biết cái khái-yếu đó, lấy cái phương-pháp gì mà nghiên-cứu, tóm thuật lại một cách có gốc có ngọn, đề cho độc-giả dễ hiểu, đây là một sự rất khó. Về cái vấn-đề ấy, tuy đã có sách « Phật-giáo-luận » sách « Phật-giáo đại-cương » bàn đến cái chân-tướng một ít, nhưng tiếc rằng các sách ấy hoặc thiên về cái thuyết phái Thiên-thai, hoặc thiên về bên Đại-thặng, chưa có ai hạ một cái định-bình đích-xác. Tôi thiết-nghĩ rằng không luận cái gì vật gì, muốn biết từng bộ-phận của nó, trước phải biết cái toàn-thể của nó, muốn xét về chỗ khái-yếu của đạo Phật cũng nên như vậy. Tôi xin trước xét về cái mục-đích lý-luận và sự thực-hành của đạo Phật, tóm luận chỗ khái-yếu đề

cho các nhà có chí nghiên-cứu đạo Phật, có chỗ xét, tìm cái cương-yếu được.

Đạo Phật có nhiều tông - phái thường do vô-số phương-diện, chủ-trương khác nhau, mà sau tóm lại có một cái kết-quả như nhau, nói rộng ra thì các tôn-giáo khác cũng vậy.

Mục-đích của đạo Phật, cốt đem bọn người mê-muội lầm-lỗi, mà khiến họ chuyển cái mê, được cái ngộ, thành được Phật-quả, đây là cái mục-đích thứ nhất. Muốn đạt cái mục-đích đó, nên họ thuyết-pháp một cách rất rộng-rãi cao xa, hoặc nói thế-giới-quan 世界觀, hoặc nói nhân-sinh-quan 人生觀, muốn chúng-sinh do các phương-diện đó chứng-minh được cái triết-lý mà đoạn-tuyệt được những điều mê hoặc, lên con đường chính, giáo-nghi của họ càng ngày càng phát-đạt, mới sinh ra các thuyết như sau này :

I. — Thuyết vạn-hữu 萬有

Cái thuyết vũ-trụ vạn-hữu cũng như cái thuyết vô-lượng 無量, không biết thế nào mà nhất-định được. Nguyên-lai các học-thuyết của đạo Phật ở Ấn-độ, là những cái thuyết cốt làm cho đạo Phật được tiện-lợi, cho nên cái nguyên-lý của đạo Phật, không nhất-định là cùng với nguyên-lý của khoa-

bọc nhất-tri với nhau được, lại như bèn Phật-học có xương cái thuyết vô thủy vô chung 無始無終, cái nguyên-tắc không sao đúng với khoa-học. Tôi xin giới-thiệu với các độc-giả rằng những học-thuyết của đạo Phật, tất nhiên không phù-hợp với khoa-học. Các nhà học-giả gần đây, có người đem các nguyên-tắc của đạo Phật giải-thích ra cho đúng với khoa-học, đề-lấn-dương đạo Phật; nhưng sự đó là sự không nên: vì khoa-học tiến-bộ, bây giờ đã phải là đạt tới cực-diểm đâu, cho nên bây giờ giải-thích đạo Phật, cho là đúng với khoa-học, mai sau khoa-học tiến bộ thêm nữa, thì lại làm sao mà điều-hòa với nhau cho nhất tri được. Và chẳng làm như vậy là trái với cái bản-y của đạo Phật.

II. -- Thuyết vô thủy vô chung

無始無終

Tại cái thuyết vô thủy vô chung này mà nói, các tông-phái đều thông-dùng, đại-thặng giáo dùng cái thuyết ấy, mà tiểu-thặng-giáo cũng vậy. Nhưng có bao nhiêu thuyết không giống nhau, thí-dụ như nói về nhân-loại ở trong thế-giới mới đầu phát-biện, thì có những thuyết: Nghiệp cảm duyên khởi luận 業感緣起論, A-lại-gia duyên-khởi luận 阿賴耶緣起論; Chân-nbư duyên khởi 眞如緣起. Pháp-giới duyên khởi 法界緣起. Thuyết nào cũng nói đến nơi đến chốn, đề-phát-minh cái lý-thuyết của mình, nhưng đến khi hỏi cái cội-gốc ấy thế nào thì không thể trả lời được. Vì theo cái nguyên-tắc nhân-quả của đạo Phật mà nói, thì nào là sinh nào là diệt, đều do đó mà nói, nhưng không nói đến cái bản-thể lúc ban đầu, nay nếu cưỡng mà giải-thích ra, thì thấy ra « thủy » đâu không, mà « chung » đâu cũng

không, từ cái ngày thái-cò là cái thời-kỳ ta không thấy không biết, cho đến ngày này, lại từ ngày nay cho đến san mãi mãi, thì cũng không thấy thêm chút nào mà bớt chút nào, mà ở trong những khoảng đó, hoặc sinh hoặc diệt, cũng hình như nước ở trong ao gặp gió nổi sóng, chảy chỗ này chỗ nọ, tuy có thay đổi, mà nước ở trong ao, không hề có thêm bớt bao giờ, các hiện-tượng cứ còn ở trong đó luôn. Chỗ đó là chỗ vô-thủy vô-chung. Mà đã là vô-thủy vô-chung, thì vạn-tượng tự-nhiên không sinh không diệt, không thêm không bớt được.

III. -- Thuyết chư hành vô thường 諸行無常

Chư-hành vô-thường là cái nguyên-tắc của vũ-trụ. Gọi là hành là nói vạn-vật biến-thiên. Chúng ta thử xem ở trong đời có vật gì là không biến-thiên, vô-luận ở trong đó có vật tiến-bộ, có vật thoái-hóa, nhưng không cái nào giữ còn nguyên mãi được, mà không thay đổi. Sự đó ta chưa từng nghe thấy bao giờ.

Lại trong đạo Phật có câu: Sát-na sinh diệt 剎那生滅, trong một sát-na mà vạn-tượng ở trong trời đất, hoặc sinh hoặc diệt không ngớt chút nào; một sát-na là chừng nào, trong khi gẩy móng tay một cái đã có 64 sát-na, tức là trong khi chúng ta khảy móng tay một cái, mà ở trong vũ-trụ, vạn-tượng đã có 64 lần sinh diệt, thật là một câu nói rất tinh-tế lắm.

Nói tóm lại cái thuyết « chư hành vô thường », là nói cái đời này không thể cậy được, mà mình phải nghĩ đến những chỗ cao-xa. Lại lấy một phương-diện khác mà nói, hai chữ vô-thường là nói sự nhân-loại tiến-hóa, xã-hội tiến-bộ, không bao giờ cùng tận, một

câu đó giải-thích ra có nhiều cái ý nghĩa rất hay.

IV. — Thuyết chư pháp vô ngã

諸法無我

Chữ Pháp 法 ở đây là theo cái ý nghĩa rộng, tóm cả vật, tâm, lý, 物, 心, 理, ba cái mà nói. Các học-phái ở Ấn-độ, đại-đề chủ-trương chữ ngã 我 phải tồn-tại, mà chữ ngã ấy có nhiều nghĩa thông-thường, gọi là thường nhất chủ thể, 常 — 主宰 nói một vật gì không biến đổi mà thường tồn-tại ở trong vũ-trụ.

Lại có người nói là cái tinh-thần ở trong thân ta, tức là cái linh-hồn. Nói tóm lại là một cái bản-thể thường còn mà không biến. Nhưng các nhà tôn-giáo ở Ấn-độ, thì lại chủ-trương trái hẳn, cho là vạn-vật ở trong vũ-trụ, đều theo nhân-duyên mà sinh, theo nhân-duyên mà diệt, tuy chúng ta không thể giữ được cái của ta, cái gì không y theo nhân-duyên mà sinh diệt, thì cái đó không còn ở trong các thế-gian này được, chỗ đó là cái chủ-yếu trong cái thuyết vô-ngã vậy.

V. — Thuyết nhân quả ứng báo

因果應報

Cái niệm nhân quả báo ứng, là chỗ tư-tưởng thiết-yếu nhất của đạo Phật, nhưng gọi là có nhân thì có quả, thì tôn-giáo nào trong khi bố giáo, tất dụng cái thuyết ấy, không chỉ một đạo Phật. Về bên khoa-học nói đến chỗ đó, cũng phải công-nhận như vậy. Nhưng cái thuyết nhân-quả ở khoa-học, chỉ nói có nguyên-nhân thì có kết-quả, chỉ chứng theo những sự-vật đã có thực-nghiệm mà nói, loại như cái thuyết thể-lực bảo-tồn, vật-chất bất

diệt 勢力保存物質不滅 luận chỉ quan-hệ của nguyên-nhân và kết-quả, không thể kể đến chỗ tâm-tính của loài người được, bởi vì cái thuyết nhân-quả của khoa-học, chỉ nói về bên hữu-hình và thực-nghiệm; còn chỗ vô hình tác-dụng ở trong tâm người, thì không thể nói được. Đến như cái thuyết nhân-quả của đạo Phật lại cao lên một tầng, vì không phải chỉ nói ở thực-biện-giới 實現界 đâu, mà cái nhân quả ấy có thể làm ở trong lòng mình được, thí-dụ: người không biết mình, thì mình sinh ra cái lòng giận-hoặc ở trong lòng mình có ghét người nào thì cứ để ở bụng mà không lộ ra ngoài mặt, nhưng vì có cái tà-tâm đó, mà tất có cái quả-báo về sau, đây là cái thuyết nhân-quả của đạo Phật.

Cái thuyết nhân-quả của đạo Phật thật là đích-xác không sai, nhưng nó hiển-hiệu ra từ những hiện-tượng lớn ở trong vũ-trụ cho đến nhỏ là sinh-và giới 生物界 đều lan khắp cả chúng ta chỉ sống được ở trong vòng một trăm năm, không sao thấy hết hai đầu cá nhân-quả ấy: thí-dụ: ở hiện-thế những người làm ác, mà được phù qui vinh hiển; những người làm lành, thì lại gặp những sự không may. Những cái hiện-tượng quái lạ ấy tai nghe mắt thấy, không sao kể hết ra được, thì tưởng là cái thuyết nhân-quả không sao tin được, rồi sinh ra nghi-luận này nọ, là bởi cơ đó.

Bên đạo Nho thường noi, cái nhệ tích thiện, thì có cái phúc dư, cái nhệ chừa điều bất-thiện, thì có cái họa dư. đem cái thuyết nhân-quả chứng vào một nhà nào, nhưng cũng không thể giải-thích thế nào, làm cho thức-giả mãn-túc được. Cái thuyết nhân-quả của đạo Phật thì khác, xin xem lời thuyết minh sau này:

VI.—Thuyết luân-hồi chuyên sinh 輪迴轉生

Cái thuyết luân-hồi chuyên-sinh, không chỉ một Phật-giáo nói, trước kia chưa có Phật-giáo, các giáo khác ở Ấn-độ đã có nói rồi, nay cưỡng cho thuyết ấy là giáo-lý 教理 đặc-biệt của Phật là không đáng, như lời ông Đơ-mạn nói : Phật đã không muốn nói cái thuyết luân-hồi, nhưng về thời-thế bắt buộc không thể làm thình lực. Cái thuyết đó phải hay là không, không thể đoán định. Tuy vậy về sự di truyền đạo Phật, nhờ một cái thuyết luân-hồi chuyên-sinh đó, rất có thể-lực. Chúng ta thử nghĩ như hiện đời chúng ta tạo ra cái nguyên-nhân thiện-ác thế nào, mà không thấy cái báo ở hiện-thời, sau chúng ta chết rồi, mà không có cái quả báo gì đến, thì quyết không có cái lý đó.

Cái thuyết luân-hồi, các phái Phật-giáo thuộc về đại-thặng hay là tiểu-thặng, đều có nói đến. Gọi là luân-hồi là thế nào? Thật là một cái vấn-đề to trong Phật-giáo-giới, cứ theo chỗ thế-gian thường nói, luân-hồi là sau khi ta chết trải bao nhiêu kiếp thì lại tái-sinh theo như cái « nghiệp 業 » của mình làm. Gọi là nghiệp, là : lúc mình sống mình tạo ra cái nghiệp thiện hay là ác, thì phải chịu cái kết-quả đó, đó là cái duyên 緣, cái duyên hợp với cái nhân mà sinh ra cái quả, nên ở trong đời này mà không thấy cái quả-báo đến, thì cái nghiệp ấy báo ở về sau, theo như cái nhân mình làm ra thiện ác thế nào, hoặc sinh ra làm người quí hay là sinh ra mà làm người liện. Nhưng khi bào-thai sinh ra người về đời sau đó, quyết không phải có cái tinh-thần như người trước, mà là một

người khác. Nói trái lại gọi là nghiệp 業 là sự bào-thai sinh ở đời sau, chứ không phải như tục ta thường truyền rằng mình chết thì bị xuống địa-ngục, hay là lên cõi cực-lạc, cũng đồng một người đó đồng một tinh-thần đó, cái quả-báo đời trước chưa chịu hết mà nay phải chịu.

Người đời nói cái sự nhân-quả báo-ứng, luân-hồi chuyên-sinh thì thường nói khi mình sống làm những việc thiện ác thế nào, thì tái-sinh phải chịu cái nghiệp-báo đó, hoặc khổ hay là sướng ; nay ai cũng muốn mình được sang ở cõi cực-lạc, cái đó thật là ngu quá, mà không biết cái đạo-lý của Phật-giáo thế nào, chỗ đó là chỗ Phật-giáo khác hẳn với các giáo khác ở Ấn-độ.

Cái thuyết luân-hồi có ra ở trước đạo Phật, cái cội-gốc nó là linh-hồn không mất 靈魂不滅, sinh-mệnh đồng một 生命同一, và cái đạo-nghĩa báo-ứng 道義報應, do ba cái đó mà phát ra, gọi là cái tinh-thần của loài người sinh ở đời này, tức là cái linh-hồn, tuy đến sau khi mình đã chết rồi mà cái đó vẫn không tiêu-diệt. Nhưng về bên Phật-giáo lấy cái chư-pháp vô-ngã 諸法無我 là cái giáo-lý cốt-yếu, thì không nhận cho cái thuyết ấy. Nguyên-lai cái thuyết linh-hồn bất-diệt 靈魂不滅 đã thành ra một cái vấn-đề ở trong bọn triết-học ở Thái-tây. Ông La-nhĩ-tư có nói rằng : « Nếu không nhận cái thuyết linh-hồn bất-lử 靈魂不死 thế thì người sinh ra là một cái vật tinh-cờ hay sao ? ». Lại có ông nói rằng : « Linh-hồn là một cái nguyên-tử 元子 tự-tồn bất-tử 自存不死, thế thì cái thuyết linh-hồn bất-lử 靈魂不死 các nhà tư-tưởng ở Thái-tây cũng vẫn tin đó.

Tuy vậy, ở bên Phật-giáo thì không dung-nhận cái thuyết ấy, nếu tin cái thuyết linh-hồn bất-tử, thì ra bẫm vào cái tục-kiến, đạo Phật sớ-dĩ cùng các tôn-giáo khác ở Ấn-độ khác hẳn là tại chỗ đó.

Những cái chỗ cốt-yếu nói về cái thuyết vạn-bữu của Phật-giáo như những điều đã kê ở trên, chúng ta ở trong vũ-trụ là chư-hành vô-thường 諸行無常, chư-pháp vô-ngã 諸法無我, hoặc sinh ra hoặc diệt đi, không biết bao nhiêu lần, luân-hồi ở trong cái khổ sinh-tử 生死, quả như vậy có mãn-túc không? Không! không thể nào vui vẻ về sự sinh tử luân-hồi ở trong cái thế-gian này như vậy, không có cái đạo-lý nào mãn-túc ở trong cái trạng-thái xã-hội như thế. Thế thì chúng ta phải dụng hết cái sức của ta, có thể làm được, làm thế nào trốn ra cho khỏi cái bể khổ lớn sinh-tử luân-hồi đó, mà đến được cái cảnh đại an-lạc thật, mà không có chỗ nào hơn chỗ ấy nữa. Cái sự mong mỏi đó, chính là cái chỗ thường-tình của mọi người. Vả chẳng những nhân-dân sinh ở trong chỗ phong-thổ như phong-thổ của nước Ấn-độ, tự-nhiên có nhiều cái cảnh khổ-sở, mà chán cái sinh-hoạt ở trong thế-giới, cũng không phải là sự vô-lý.

Ấy là cái đại nguyên-nhân khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa yếm-thế của Phật-giáo. Tuy vậy cũng không nhất-định, muốn rời ra cho khỏi cái thế-giới khổ-thống vô-hạn, thì làm thế nào là hay. Nguyên-lai chúng ta là cái loài ở vô-hạn-giới 無限界, mà mình lại sa vào trong cái hữu-hạn-giới 有限界, thì trừ ngoài cái cách ta bỏ cái hữu-hạn-giới đó mà ra, không có phương-pháp gì cả, chúng ta hết sức rời ra cái bến mê, mà lại trở về cái cảnh-giới

xưa là được. Đây là cái thuyết luân của Phật-giáo, mà chúng ta có thể đoán-định như vậy.

VII. — Cái tiêu-chuẩn điều thiện điều ác 善惡標準

Tục thường người ta có nói thì ác, thì hành-vi thế nào là thiện, hành-vi thế nào là ác, phải đoán-định mà được, nhưng cái tiêu-chuẩn thiện ác không thể đoán định, vậy thì cần phải chú ý nghiên-cứu. Trước nhất chúng ta phải đem bao nhiêu những lời cũ các nhà triết-học xưa ra mà xét, hoặc lấy quốc-gia làm tiêu-chuẩn, những sự hành-vi gì có ích-lợi cho quốc-gia, ấy là điều thiện; những điều có hại đến quốc-gia, ấy là điều ác, hoặc có người lấy xã-hội làm tiêu-chuẩn, những sự hành-vi gì có ích-lợi cho xã-hội là thiện, có hại cho xã-hội là ác.

Lại có nhà học-giả lấy lương-tâm làm tiêu-chuẩn, những điều hành-vi gì theo chỗ lương-tâm là thiện, trái chỗ lương-tâm là ác, thật là nghị-luận phân-vân, mỗi người nói một khác. Các nhà học-giả ở Á-đông, cũng có lập ra nhiều nghị-luận, thuộc về phương-diện đạo-đức, hoặc nói người phải làm cho ra con người, hoặc nói nên bề chước theo chỗ làm của Nghiêu, Thuấn hoặc nói: hà-lắt nói đến lợi làm chi chỉ có nhân nghĩa mà thôi. Chỉ nói cái đại-thể thuộc về trù-tượng, chứ không nói rõ ra; mà về bên đạo Phật cũng vậy, gọi là thiện, gọi là ác, thật không có cái qui-tắc gì nhất-định, hoặc có khi nói thuận theo pháp-tính là thiện, trái theo pháp-tính là ác, nhưng gọi pháp-tính 法性 là thế nào, thì cũng không rõ-ràng. Hoặc có kẻ nói, những cái hành-vi thuộc về báo ân là thiện, trái với báo ân là ác. Xét những chỗ nghị-

luận không biết lấy đâu làm căn-cứ, thật là khó nghĩ.

Nay chúng ta xét về đạo Phật nên xét thế nào là thích-dáng. Cái mục-dịch của đạo Phật cốt khiến cho người chúng vào nát-bản, cho nên phạm những hành-vi-gi khyinh-hướng về cái phương-hướng có thể chúng vào nát-bản ấy là điều lành, trái với nát-bản, ấy là điều ác, cái sự đoán-định như vậy, là chỗ các nhà học-giả hiện-thời công-nhận. Nhưng lại hoặc có tôn-phái cho là thiện ác bất nhị 善惡不二 không nói là thiện, không nói là ác, chỉ đặt-dào đến cái chỗ thiện ác bất nhị, ấy chính là chỗ chân-đạo.

Chúng ta tu-hành về đạo Phật, rời ra khỏi được cái cõi sinh tử, mà việc gì cũng thành lập được nhân-quả, cho nên chúng ta cứ vợ-vần ở nơi hữu-hạn-giới, muốn tìm cho được cái nguyên-nhân đó mà trừ đi, đấy là chỗ rất cần lắm.

VIII. — Cái hoặc tình 惑情

Muốn cầu cái nguyên-nhân chúng ta bị hãm vào trong hữu-hạn-giới, là tại chỗ nào, tại chỗ hoặc-tình. Chúng ta tự mình không rõ được cái chân-lý, do cái chỗ vọng-kiến 妄見 của mình, hãm vào trong cõi mê-mộng, cõi mê-mộng đó do mình làm ra, rồi mình chịu lấy khổ, mà đến những chỗ lầm đó, các tôn-phái cũng mỗi phái nói một khác, không nhất-định gì cả. Nói tóm lại như trước đã kể, mình không biết cái đạo-lý chư-hành vô-thường, không biết cái lý chư-pháp vô-ngã, không rõ cái lý vô-thủy vô-chung, không rõ sao là nhân-quả báo-ứng, sao là luân-hồi chuyển-sinh, mà hãm vào. cái tục-kiến thường-hữu, và lại câu-chấp vào những

việc ở hữu-hạn-giới, không thể tin được các sự ở vô-hạn-giới mà gây ra những điều lầm kể ra sau này: nào là lục thập nhị kiến 六十二見, nào là bách bát kiến 百八見, nào là bát thập bát sứ 八十八使, nào là bát thập nhất sứ 八十一使, nào là kiến ác tu ác, sa trần chi hoặc, 見惡修惡, 沙塵之惑, nào là vô-minh chi hoặc, 無明之惑, nào là phiền-não chướng 煩惱障, nào là sở tri chướng 所知障, thật là không biết bao nhiêu là lầm, nhưng cầu chỗ gốc do tại ba điều :

10 Không biết cái nguyên-tắc vũ-trụ :

20 Không biết có cái hữu-hạn-giới ở ngoài hữu-hạn-giới ;

30 Do các cái mê ở trên kia nó dẫn-du, mà thành ra mình làm những điều ác.

Cho nên chúng ta không dứt bỏ cái nhằm ấy, đề tu đạo lành, cho bước đến cái cõi nát-bản chân-chính thì không được.

IX. — Tu-hành 修行

Sự tu-hành là một sự rất cần-kíp, nhưng tu-hành thế nào là phải, thì các tôn-phái cũng khác nhau, hoặc tu-hành theo đại-thặng, hoặc tu-hành theo tiêu-thặng, hoặc tu-hành do tự-lực 自力, hoặc tu hành theo tha-lực 他力, hoặc khuyên quan pháp 觀法, hoặc khuyên tọa-thiền 坐禪, cái nội-dung luận-lý của đạo Phật, rất là phức tạp, chỗ đó sẽ nói trong một bài khác, đây chỉ lược-thuật vậy thôi.

X. — Nát-bản 涅槃

Về sự tu-hành của đạo Phật, tuy các tôn-phái có khác, nhưng đến cái chỗ kết-quả sau cùng là vào đến cõi nát-

bàn, thì như nhau cả. Nát-bàn theo tiếng chữ Phạm là Nirvana, chữ đó xưa nay cũng mỗi nhà giải một khác, hoặc giải là diệt-độ 滅度, hoặc giải là tĩnh-tịch 靜寂, hoặc giải là vô vi 無爲, hoặc giải là viên-tịch 圓寂, hoặc giải *nát* là không sinh, *bàn* là không diệt, không sinh không diệt, gọi là đại nát-bàn. 涅謂不生, 槃謂不滅, 不生不滅名大涅槃. Lại nát-bàn cũng phân ra nhiều loại, gọi là nát-bàn thứ hai, nát-bàn thứ ba, nát-bàn thứ tư. Đã được vào nát-bàn, tức là đã được cái-chứng-quả thành Phật.

Chúng ta sinh ra ở phù-thế tức là hữu-hạn-giới 有限界, không sao mãi-túc được, nhân ra sức tu-hành, bỏ hết những sự mộng-tưởng mà noi cái đạo chính, rõ hết các nguyên-ly của Phật, dưỡng được cái nhân-cách hoàn-toàn viên-mãn, đến được cái cõi nát-bàn hóa thành Phật được, ấy là một cái mục-dịch tối-cao của đạo Phật.

Kết luận

Phật-giáo là một thứ tôn-giáo dẫn chúng ta vào cái cõi vô-hạn-giới khiến chúng ta được yên tâm lập mệnh, 安心立命. Chúng ta tin-ngưỡng đạo Phật, là muốn được yên tâm lập mệnh được có cái kết-quả thành Phật, ấy là phi-nguyện, và theo cái thuyết chu-hành vô-thường, thì có sự thay cũ đổi mới, nhân-loại và xã hội tiến-hóa, bởi đó mà ra, rất có ích cho thiên-hạ quốc-gia lắm. Nếu kẻ học đạo Phật mà chỉ cầu phúc, mong được phát phú, phát quý; kẻ quan-sát đạo Phật, mà phê-bình-cho là trái với cái tiêu-chuẩn khoa-học, thì đều là sai lầm cả.

Đạo Phật mà chúng ta nên trọng là trọng tại cái chỗ tinh-thần, cái tinh-thần từ-bi bác-ái, lo cứu vớt nhân-loại ở trong cái bể khổ, chỗ đó là chỗ cốt-gốc, nếu không xét vào cái chỗ đó thì thật là một hạng người không có cái não-chất cái nhãn-quan có thể trông thấy đến đạo Phật được.

Sở-cường



chẳng chanh chua mà cũng chẳng quít ngọt, chẳng khế dai mà cũng chẳng mứa lủi, chỉ dở-dở dang dang, hăng-hăng ương-ương, vì ít tài-liệu, cho nên câu văn đềunh-đoảng như cừn nấu sùng, vì ít tư-tưởng cho nên bài văn cũng rối như canh hẹ, lại nhất là những lời điêu-đảo thí-phi, phá-hoại đạo-đức, phưng-hại phong-hóa, thì những lời văn ấy quả là có chất hôi vị hôi, khó phần thưởng-thức được. Thiên-hạ mới cả thất-vọng.

Thiên-hạ tuy cả thất-vọng. nhưng tiên-sinh vẫn đưng-đưng tự-đắc, cho rằng thời-đại này là thời-đại cấp-liển, thời-đại cạnh-tranh, cứ chen vai cho khỏe là được, nhân tổ chẻ ra một cái thục-quán, những văn-tập của tiên-sinh làm ra hàng ngày, xuất-bản luôn luôn. Thiên-hạ đối với văn-chương ấy, tình-cách ấy, dường như đã coi là phần đặc-biệt nhân tặng tiên-sinh một huy-hiệu là Lanh-Chanh liên-sinh, mà gọi cái thục-quán của tiên-sinh tổ chẻ ra ấy là Lanh-Chanh thục-quán, những văn-tập của tiên-sinh làm ra ấy là Lanh-Chanh văn-tập.

Từ đây tiên-sinh đối với thiên-hạ mới tỏ lòng hoai-nghi một hôm nhân hỏi một kẻ thức-giả rằng :

— Thiên-hạ tặng cho tôi cái huy-hiệu ấy, là ý khen hay là ý chê ?

Kẻ thức-giả đáp rằng .

— Không phải là ý khen mà cũng không phải là ý chê, chỉ là ý tiếc đấy thôi. Ngạn-ngôn có câu rằng : « Lanh-chanh như hành không muối ». Hành là một chất ăn được, thiên-hạ ai ai cũng dùng, chỉ tiếc về nỗi không có muối để làm tài-liệu đấy thôi ; cũng như văn-chương là một nghề thưởng-thức được, thiên-hạ ai ai cũng quý, chỉ tiếc về nỗi không có học-thuật để làm cốt-cách đấy thôi.

Tiên-sinh lại hỏi rằng :

— Cái thuyết của ngài nói đó có thể giải-thích ra cho rõ được chăng ?

Kẻ thức-giả lại đáp rằng :

— Hành là một chất chi phối với thịt mỡ, cứ đem thưởng-tình của thiên-hạ mà nói, thì ai thấy mỡ mà chẳng thèm, nhưng mỡ lắm thì cũng ngấy-ngột, thưởng có khi phải lặc đầu mà đưng-đưng thịt mỡ, nếu không có hành để chi-phối thì mỡ càng béo một mình được sao ? Coi vậy thì có hành chẳng khá không có mỡ có mỡ chẳng khá không có hành. Cũng như văn-chương là một nghề tô điểm cho cuộc đời, cứ lấy thưởng tình của thiên-hạ mà bàn, thì ai thấy phú quý mà chẳng mộ, nhưng chỉ phú quý không mà thôi thì cũng ngu-trọc, thưởng có khi phải ngoạn mắt mà làm thính phú quý ; nếu không có văn-chương tô điểm, thì phú quý cày hay một mình được sao ? Coi vậy thì cả văn-chương chẳng khá không phú quý, có phú quý chẳng khá không văn chương. Song lẽ hành tuy có chất giòn chất ngon, nhưng lại có chất hăng chất hôi, nếu ăn hành mà không làm che liễn-hóa được chất hăng chất hôi đi thì chẳng thà đừng ăn hành nữa là hơn chứ ăn hành làm chỉ cho cay nghiệt với máng ngọc dũa ngà. Cũng như văn-chương tuy có vẻ mỹ-miền vui thú, nhưng lại có bệnh sống-sượng, bệnh đông-dài, nếu làm văn mà không lọc bỏ được cái bệnh sống sượng và cái bệnh đông-dài ấy đi, thì chẳng thà đừng làm văn nữa còn hơn, chứ làm văn làm chỉ cho nhục-nhẫn với nơi xanh nước biếc.

Nên chỉ chất hành phải có chắt muối làm tài-liệu, nghĩa là chất hành với chất mặn, chế tạo mà thành rồi chắt ngon chắt chua, khiến cho mùi hành được chân-chính, đức hành được

hoàn-toàn. chất hành ấy sẽ có thể bày vào được ở mâm cao cỗ đầy mà tiến lên được với người thanh kẻ quý. Cũng như văn-chương phải có học-thuật làm cốt-cách, nghĩa là sự học với sự hành luyện-lập mà thành ra nghề giỏi nghề hay, khiến cho lời văn có lợi-ích, nên văn có giá-trị, áng văn chương ấy, sẽ có thể so vào được với làng phong làng nhã mà phó ra được với bạn nước bạn non.

Tiền-sinh nghe lời thức-giã nói, rất lấy làm cảm-phục, không hoài-nghi gì cả, nhưng lại tìm lấy một lẽ nữa, để suy xét ra cho rộng mà hỏi rằng :

— Tôi nghe thuở xưa cũng có một thứ văn-chương tuy rằng không hăng không hời, nhưng mà rất hủ rất bại, đã khiến cho nói giống yếu hèn. Nay tôi sinh về thời đại này, cũng muốn cháu-hưng nên văn-học, mà thiên-hạ lại có câu nghi-luận là Lanh-chanh điu dó thì tôi đã biết hồi rồi. Thế thì ngày nay muốn xây đắp nền văn-học, nên theo về lối văn-chương nào?

Kẻ thức-giã nhân lại đáp rằng :

— Ngày xưa thực có thể lời tiền-sinh nói thực chẳng oan. Tôi còn nhớ ngày xưa có một vị Ứng-Eo tiền-sinh, làm ra lối văn-chương bát-cổ để cướp lấy lợi danh, lối văn-chương ấy là lối văn-chương đưa khú, nên chỉ đời có câu rằng : « Chồng chề thì mặc chồng chề, đưa khú nấu với cá chề càng bùi ». nghĩa là đời chề thì mặc đời chề, đem văn-chương bát-cổ mà cướp lấy lợi danh thì càng bùi càng bổ. Tôi lại nhớ ngày xưa có một vị Mốc-Meo tiền-sinh làm ra lối văn-chương văn sách mẹo để cầu lấy phú quý, lối văn-chương ấy là lối văn-chương cá thắm ; nên chỉ đời có câu rằng : « Cơm hầm ăn với cá kho, chồng xấu vợ xấu những lo mà gầy » nghĩa là phương văn-sách mẹo chỉ-phối

trong học-giới thì nước thịnh làm sao được, cũng như cá thắm chỉ-phối với cơm hầm, thì người ăn làm sao được, cho nên thiên-hạ chỉ những lo mà gầy. Hai thứ văn-chương ấy cố-nhiên là hủ-bại, nhưng cái thời-đại sinh-hoạt của hai thứ văn-chương ấy cũng đã quá-vãng rồi, không kể chi nữa. Ngày nay chỉ nên dùng cách tìm ra cái không-khí văn-chương khác, để thay vào cái không khí văn-chương ấy là hơn.

Tôi thiết-tưởng rằng nay muốn thay đổi vào thứ văn-chương đưa khú, văn-chương cá thắm ấy thì phải dùng bằng thứ văn-chương bừa kỹ như phú ông Tỏi, và thứ văn-chương thom nức như thơ văn ông Huệ ông Lan, một ngày kia sẽ có kết-quả hay. Nếu đem thứ văn-chương « hành không muối » để thay vào thứ văn-chương đưa khú, văn-chương cá thắm, chẳng bao lâu thứ hành không muối kia nó lại sẽ hủ-bại mà không kết-quả gì, chẳng khác nào lấy đưa khú thay vào đưa khú, lấy cá thắm thay vào cá thắm vậy. Như thế sao nên!

Lanh Chanh liền-sinh ơi ? này, này, này, này :

« Mai cốt-cách tuyết tinh-thần, mỗi người mỗi về mười phần vẹn mười » ; tinh-thần bao nhiêu !

« Bông hồng nhác thấy nẻo xa, xuân lan thu cúc mặt-mả cả hai » ; mặt-mả bao nhiêu !

« Hải-đường môn - môn cảnh tở, ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng » ; nồng-mặn bao nhiêu !

« Lơ-thơ lơ liêu buồng mảnh, con oanh học nói trên cành mĩa-mai » ; mĩa-mai bao nhiêu !

Theo về lối văn-chương ấy, chứ theo về lối văn-chương nào ? Lanh-Chanh liền-sinh ơi ! Kính chúc tiền-sinh bách tuế, kính-chúc làng văn thiên vạn tuế...

TÙNG-VĂN

Đòi với hương-đạo-đoàn Việt-Nam

Góp thêm ba ý-kiến



Hương-đạo-đoàn là một cái phong hiệp-sĩ, một phép giáo-dục thanh-niên bằng cách thực-hành tu-luyện. Tinh-thần của nó là ở ba điều : *Nghĩa-hiệp, cần-lao và kiệm-ước*. Công việc của nó là : ngày chăm làm điều thiện và thường đi lễ-hành để luyện-tập những sự sinh-hoạt giản-dị, tập làm những việc phượng-tiện cắm trại dọn đường để thực-hành ba cái tinh-thần trên ấy. Người vào đoàn Hương-đạo là những bậc thanh-niên, gọi là « *Người hương-đạo* ». Người hương-đạo phải giữ và làm những điều trên đó không những cầu ích cho mình mà lại làm gương cho đời, cho nên lấy nghĩa à « *Hương-đạo* » lúc là đưa đường dẫn lối cho người đời vậy.

Như thế thì Hương-đạo-đoàn là lấy phép giáo-dục, lấy sự giáo-hóa, lấy một cái đạo-nghĩa, mà ngụ vào trong một cách chơi của thanh-niên vậy. Bởi vậy Hương-đạo-đoàn mới phát-minh ở Âu-châu, không bao lâu đã truyền-bá khắp thế-giới. Nay đã thâm-nhập vào nước ta, thực là một sự may-mắn cho thanh-niên nước ta vô-cùng. Nó sẽ bổ-cứu vào những chỗ khuyết-điểm về tinh-thần cho thanh-niên ta nhiều lắm.

Tuy-nhiên, chúng ta há không thường thấy gần đây vô-số cái mới ở người ta thì là hay là lợi, mà vào tay ta thì là dở là hại đó dư. Xét ra cho kỹ, thì chỉ vì đối với cái gì lúc ban đầu mới bắt-chước, ta cũng hoảng-hốt không chịu

phân-tích cho biết chỗ tinh-thần và hình-thức của nó ở đâu, và chỉ cần phóng theo lấy hình-thức mà không cần-thiết ở tinh-thần, nên không thể được cái hiệu quả hay đó thôi.

Biết như thế thì đối với cái phong Hương-đạo-đoàn đang lúc mới thâm-nhập này ta nên suy xét mà làm cho thận-trọng, chứ đừng nên cầu-thả. Và tôi xin góp cùng anh em ba ý-kiến như sau này :

1. — Trong luật Hương-đạo điều thứ chín nói : « *Người hương-đạo phải cần-lao, kiệm-ước và qui-trọng tiền-của của người khác* ». Cần-lao là chăm làm điều thiện, chăm luyện-tập việc lễ-hành, việc thể-thao. Trong khi đi chơi ngoài sự tập-luyện cách sinh-hoạt khỏe mạnh, lại cần phải giáng-dâm kê-cứu về những vấn-đề lịch-sử, địa-dư, dân-tinh, phong-tục ở đó thịnh-suy thay đổi thế nào, có cái gì lạ thuộc về vật lý-học phải nghiên-cứu, phạm sự gì có chỗ ích cho học-vấn, cho tinh-cảm để không những bỏ. Song đó đều đã có chương-trình của đoàn nói tương. Đã tôi chỉ giải thích về điều *kiệm-ước* thôi. *Kiểm-ước* mà nói « *phải qui-trọng tiền-của của người khác* », thì những tiền-của để mua sắm đồ ăn thức dùng mà các cha mẹ hoặc các nhà từ thiện đã tặng cho ấy, không những nó là của các cha mẹ hoặc các nhà từ thiện mà chính nó cũng lại là của cả mọi người trong nước làm ra đó. Và khi tiêu dùng đến tiền của, Hương-đạo

đoàn không những vì các gia-đình, các ân-nhân mà kiêm-ước, mà chính phải vì cả mọi người trong nước mà kiêm ước.

Lệ vào đoàn mỗi đoàn-sinh phải sắm một bộ đồ phục-trang riêng ước \$500. Song nếu khi dùng liền đến vài ngày thì một bộ sao đủ. Lại còn những đồ đi lữ hành, nào con dao bỏ túi, vài lọp lều, bình đựng nước. đũa bấm, đồ làm bếp v. v. Chắc sau đây số lập đoàn còn tăng nhiều, như thế mà cái gì cũng cầu-nệ hình-thức phải sắm đồ của ngoài cả thì mỗi năm sẽ tăng cho gia-đình và xã-hội một phi-khoản lớn chảy rò ra ngoài.

Phương chi đang khi kinh-tế gian-nan, Chính-phủ còn phải tiết-kiệm nữa là dân. Hướng-đạo-đoàn phải giữ cái nghĩa của luật điều trên ấy cho rất nghiêm. Phải nhân đó mà khuyến-khích cho công-nghệ trong nước, mà luyện-lập cho đoàn-sinh quen cái tinh yêu qui thổ-sản. Vậy thì trừ mấy cái đồ chế hóa cơ-xảo như kim chỉ-nam, đồng-hồ mà ta chưa làm được thì mua của hàng nước Pháp. Còn từ đồ phục-trang đến đồ lữ-hành, hết thảy phải lấy trí khôn-khéo, chế ra kiểu-mẫu, đưa cho thợ ta họ làm mà dùng. Còn những thực-phẩm cũng chỉ dùng những thứ bằng thổ-sản mà thôi. Ấy cái nghĩa *phải qui trọng tiền của của người khác* chính là thế, phải nên nhận kỹ.

2. — Phải thực-tiến, nghĩa là mỗi hướng-đạo-sinh khi ở ngoài đoàn cũng phải giữ bền cho được thực đúng với cái tinh-thần của Hướng-đạo-đoàn. Những cách hành-động ngoài đường, sinh-hoạt nơi lữ-thứ nó mới là phép thao-luyện mà thôi. Phải biết Hướng-đạo-đoàn là một phép giáo-dục, một

sự giáo-hóa, một cái đạo-nghĩa. Tinh-thần của nó là ở ba cái đức - tính : *nghĩa-hiệp, cần-lao, và kiêm-ước*. Sự thao-luyện là để cho cảm-hóa mà giữ bền lấy ba cái đức-tính trên ấy mà thôi. Vậy người nào sau khi đã vào đoàn rồi, thì ở nhà cũng như ra với xã-hội, phải tự-tín và phải làm cho người ta tin mình là « *một người Hướng-đạo* » Tức là phải làm cho rõ rệt ba cái đức tính trên ấy : Hay vì nghĩa giúp người (nghĩa-hiệp), tham công tiếc việc, không ngại vất-vả, (*cần-lao*), và tự cung giản-di, trách xa-xỉ (*kiêm-ước*). Mà lúc nào cũng như thế được. Ấy cái ích-lợi cho thanh-niên của sự giáo-hóa Hướng-đạo-đoàn là ở đó, đáng qui là ở đó. Nếu ngoài lúc đi lữ-hành ra lại vẫn ích-kỷ, vẫn lười biếng, vẫn hoang-dàng, thì cho lúc nào cũng vác gậy ra đường cũng thôi cơm, cũng cắm trại, thì cũng chỉ là sự đua, sự diễn kịch mà thôi. Đã là diễn kịch thì không bao giờ người diễn thành người trong kịch được.

3. — Nói về tư-cách những người làm chủ-trương cho Hướng-đạo-đoàn. Như trên đã nói, Hướng-đạo-đoàn tuy là một cách chơi mà không phải là cách chơi tầm-thường. Là cách chơi để tập luyện. Tập luyện về giáo-dục, về giáo-hóa, về đạo-nghĩa, cho được giữ bền lấy ba đức-tính hay. Tuy thế nhưng mà, đoàn thì là đoàn của thanh-niên, nhỏ từ tám tuổi, lớn cũng đại-đề trong vòng cái tuổi thanh-niên. Nghĩa của đoàn thì hay mà việc không ngoài cái tinh-cách trò chơi. Vậy thì sự quản-đốc và duy-trì lấy cái chỗ tinh-thần cho đoàn, không phải là dễ. Cái trách-nhiệm quan-hệ của người làm chủ-trương đó không phải là nhỏ. Phương chi phép Hướng-đạo đoàn cũng như con dao sắc của cậu bé, khéo dùng thì

làm nên nhiều việc hay, mà vụng dòn thì đứt tay luôn. Đối với Hường-đạo-đoàn mà không thận-trọng được ở chỗ tinh-thần thì cũng dễ sinh ra nhiều cái dở cái hại lắm. Tức là sẽ hao thêm huyết mạch của xã-hội ra ngoài, người thì nhiễm cái tinh lang-thang vô ý-chí.

Thế thì làm quản-đốc mà duy-trì được tinh-thần cho phép hường-đạo, phải ở những người chủ-trương có tư-cách xứng-đáng vào đó lắm mới được. Tư-cách ấy không phải ở nơi thế-vị như những người làm chủ-trương cho các hội khác, mà chính ở cái tư-cách đạo-đức chân-chính nhiệt-thành vậy. Vậy mỗi đoàn-thê hường-đạo muốn lập ra sau này phải có một số người có đức-vọng đã đứng tuổi có lịch-duyet làm chủ-trương cho mới được. Những người làm chủ-trương ấy không những tự sẵn có ba cái đức-tính: *nghĩa-hiệp, cần-lao* và *kiệm-ước* để làm gương, mà lại phải giàu có cái lòng muốn giáo-hóa cho đời, muốn tác-thành cho con em của nhà chân-tu-hành, nhà đại-sur-phạm mới được. Phải giàu có cái đức nhân-từ yêu bạn trẻ như con như em mình, bạn trẻ trong đoàn đi đâu, các người ấy phải đi theo mà quản-đốc duy-trì và cảm-hóa cho họ lấy tinh-thần của phép

hường-đạo. Như thế người ta mới dần tin, phó-thác con em, giúp đỡ liền cho mà làm, mà làm mới có kết-quả tốt như ở nước khác được.

Tóm lại ba cái ý-kiến mà tôi đã giải thích về Hường-đạo-đoàn ở Việt-Nam ta, thì biết chân-tinh-thần của nó là ở ba cái đức: *nghĩa-hiệp, cần-lao* và *kiệm-ước*. Mà quan-hệ nhất là ở những người làm chủ-trương. Vậy xin ai có lòng ra chủ-trương để giúp bạn trẻ về sự giáo-dục mới tức là phép chơi hường-đạo-đoàn này, phải nên tự-tin trước.

Phàm làm việc gì cũng thế, có biết khó mới không khó, có tính đến cái chỗ hỏng trước thì mới khỏi hỏng. Tôi rất nhiệt-thành với anh em bạn trẻ mà viết bài này, xin chớ cho là gàn. Nay xin chân-trọng với bạn « cầu tân » một lời rằng:

Cây « húng láng » trồng ở làng Láng (Hà-dông) thì thơm mà ăn ngon, thế mà nhiều nơi xa lấy giống về trồng thì hôi mà vô-vị. Đó cũng chỉ là vì kẻ lấy giống không nghiên-cứu kỹ cái cách trồng của người làng Láng đó thôi. chứ trời nào có riêng phần cho làng Láng thứ húng ấy.

ĐỒ-NAM



— KONTUM TỈNH-CHÍ (1) —

崑 嵩 省 誌

■

V

VI.— Công-nghệ

Người An-Nam ở *Kontum* không có công-nghệ gì. Chỉ có năm sáu người lập lò ngói, làm thứ ngói móc An-Nam và thứ gạch vuông lót nhà mà thôi. Thứ gạch thường thì không làm, vì ít nhà xây gạch, phen vách đều làm bằng trúc-trịch cả. (Trúc-trịch là cốt tre, trát đất, ngoài lò vôi và quét vôi lại). Những ngói ấy đều tiêu-thụ trong hạt.

Mọi cũng không có công-nghệ gì lạ, chỉ biết đan các thứ giũ, nón Mọi, và dệt các thứ chăn nó dùng. Chăn ấy không phải đẹp như chăn, phá, dàu. Chăn ấy mùi xanh chàm, dưới có ít đường chỉ đỏ đỏ. Chỉ đỏ này, lúc trước nó làm công-phu lắm, vì không biết nhuộm, nên mua vải tây điều, rồi rút ra từng sợi chỉ mà dệt lại nơi tấm chăn. Nay những người buôn Mọi, có buôn chỉ các sắc, thì cũng đỡ công cho Mọi khỏi rút chỉ vải điều.

Mọi Bà-nà thì vụng-về, cũng đan, cũng dệt, mà cách thô hơn Mọi Xà-đáng nhiều.

Ở *Kontum*, cho tới *Avril* 1933, người mình được phép nấu rượu mà bán. Đến tháng ấy Thương-chính nói phải

triệt hết và phải nấu theo cách dưới các tỉnh trung-châu. Song không ai dám trưng nấu rượu, vì ở đây, rừng rú rất nhiều, không thể nào mà bắt rượu lậu được. Lại trong các làng Mọi, cứ gài rượu tự-do, như vô làng Mọi mà nấu rượu lậu cũng không ai biết. Có lẽ rồi chỉ nạp thuế Thương-chính, chứ không một lít nữa xu mà nấu lại cách cũ.

VII.— Nhân-công

Nhân-công ở *Kontum* không mắc, cũng bằng giá ở các tỉnh ở trung-châu. và người trong hạt cũng đủ dùng. Chỉ duy ở ngã ruộng Lào, đến mùa gặt hái thì điền-chủ cần thêm trai bạn, ở Bình-dịnh lên làm công cũng khá. (Ruộng Lào) cách thành-phố *Kontum* bảy cây số, ở đó ruộng nhiều lắm và các làng thành-phố cũng vào làm ruộng ở đó. Có lẽ đời xưa người Lào làm rồi sau bỏ đi. Có người nói có một cái mỏ muối xưa mà kiếm chưa thấy).

Lại lúc này Mọi cũng đi làm thuê như người mình, phá cây, phá gốc, làm đất đai. Người mình thuê Mọi làm thì trả bằng muối, hoặc trả tiền cũng được.

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 191.

Còn những thợ thuyền, ở *Kontum* cũng không mắc chi. Trong các hạng thợ, thì thợ mộc nhiều hơn hết, vì xứ nhiều săng-súc, làm đồ gỗ nhiều. Như ở thành-phố *Kontum* muốn làm gì, kêu 30 thợ mộc cũng có liền.

VIII. — Vận-tải

Một xứ thịnh-vượng chậm hay mau, nhờ sự vận-tải chở chuyên khó hay dễ.

Như lúc trước đường-sá khó lòng lắm, phải đi bằng ngựa hay xe bò, tới trạm thì đổi bò. Nhiều người bỏ lên làm việc, từ An-khe lên *Kontum* có 150 cây số mà phải đi 14, 15 ngày. Sau lần lần dễ hơn, đi chừng 10 ngày. Năm 1908, từ *Pleiku* qua *Kontum* có 54 cây số phải đi một ngày rưỡi.

Từ ngày đường-sá mở rộng, đất đẻ hơn, đổ thêm đá sạn, những cầu làm lại chắc-chắn, như cầu Suối-đá (K.100) dài 16 m. mới làm bằng xi-măng (*ciment*), tại đường thuộc-địa số 19, cầu *Ayoum* (K. 108), cầu Suối-dôi (K. 118) đường số 19, đều bằng xi-măng cả, thì xe điện lên xuống thường và xe *camion* chở hàng-hóa, người mua bán mỗi ngày thường hơn. Xe, ngày 5, 6 chiếc xe lên. Xe điện có chở thư (*Service postal*) thì mỗi tuần lên ba lần (thứ hai, thứ tư, thứ sáu) và xuống ba lần (thứ ba, thứ năm, thứ bảy). Giá xe từ Qui-nhon lên *Kontum* thường 1 \$ 50 một người.

Còn chở hàng-hóa thì mỗi năm mỗi rẻ dần, như :

Năm :

| | |
|-----------|-----------------------|
| 1926-1927 | 100 \$ một tấn (1.000 |
| 1928 | 80, — [cántáy) |
| 1931 | 38, — |
| 1933 | 20, 22\$— |

vài năm nữa xuống 15 hay 16 đồng được, vì đường-sá còn nhiều khúc

quanh-co, dương sửa lại, (nhất khúc *Pleiku — Kontum*) Xửa lại ngẩng thẳng, đổ đá cho tử-tế, xe chạy mau hơn, thì giá phải hạ hơn.

Những chỗ xe điện chưa đi tới, thì chở-chuyên vận-tải bằng xe bò ngựa. Nhiều đường lớn có đường nhỏ đi riêng để chở gỗ, vì nặng thì cồng kềnh đường hơn. Qua những thác thì mọi có thứ thuyền đục rỗng gốc cây.

IX. — Thành-phố *Kontum*

Người lên *Kontum*, làm sao cũnên lên tới thành-phố *Kontum*. Vậy cũnên biết *Kontum* đường sức thế nào và cách ăn ở làm sao. Muốn xem từ *Kontum* mở-mang thế nào, xem thành-phố *Kontum* thì rõ. vì buôn bán lên xuống, và buôn Mọi bán Lào, cũng làm *Kontum* làm địa-điểm.

Thành-phố *Kontum* cách *Pleiku* 150 cây số, cách An-khe (Huyện Tân-an) 150 cây số, cách Qui-nhon 217 cây số cách Huế 619 cây số.

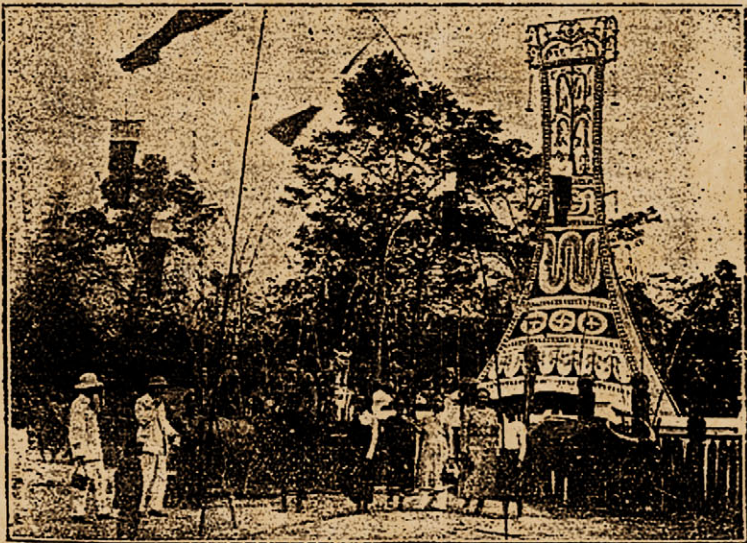
Thành-phố *Kontum* lập ra thành-phố (*Centre urbain*) theo nghị-định ngày 3 Décembre 1929, ngày 17 Décembre 1931, lại có hai đạo nghị-định lập các thứ thuế riêng thành-phố.

Thành-phố *Kontum*, ở dưới Qui-nhon, *Pleiku*, đi lên thì ở bên kia sông *Bla* (*Dak-Bla*). Năm 1932, có làm một cái cầu *bêton* dài 139 thước tá mới đi được bốn tháng, qua tháng *Octobre*, bị lụt trôi mất, nay phải chờ chờ. Đứa mùa nắng thì có một cầu tạm bằng gỗ, song qua mùa mưa phải đặt xếp lại một chỗ, vì chỗ ấy lụt, nước nguồn sủa, lên rất cao, thì ch trôi liền.

Xe thơ lên *Kontum* mỗi tuần ba lần xuống cũng ba lần, (lên thứ hai, thì



Uống rượu trong ghè với Mọi



Mã ông phủ Mã, Thổ Tri-phủ
(gần thành-phố Kontum)

lưu, thứ sáu: xướng thứ ba, thứ năm, thứ bảy). Xe không chở thơ thì ngày nào cũng có. Kontum có sở điện-báo lớn (dành giấy thép xướng Pleiku, và An-khê được). Có giấy điện-thoại qua Pleiku, lên Dak-tô và Dak-xut

Thành-phố rộng chừng 800.000 thước vuông. Đường dài 2 cây số, tức bề dài 2 cây số, bề ngang 400 thước. Trong thành-phố có 4 làng, là Tân-hương, Phương-ngĩa, Trung-lương, và Lương-khế. Hai làng trước là đạo, hai làng sau là ngoại. Kontum chia làm hai khu (Zônes). Trừ các công-sở, các nhà thờ, các nhà trường ra thì có 432 sở vườn, trong ấy 286 sở có làm nhà ngói và 129 sở làm nhà tranh. Ở khu thứ nhất buộc phải nhà ngói cả.

Ở Kontum có tòa Công-sứ, Đạo, nhà thương lớn, trường học nhà nước, sở điện-báo, đồn lính khố-xanh, lao chính-trị-phạm, lao thường-phạm.

Phần Tôn-giáo, tại thành-phố có nhà Đức-cha, hai nhà thờ lớn Tân-hương, và Phương-ngĩa, các trường đạo như trường Cuénol, trường Sainte-Thérèse nữ-học, lại đang làm thêm một trường dạy các chú học làm linh-mục. Đường giữa thành-phố Rue de la Marne, có chỗ làm cái hang đá (Grotte) thờ Đức-mẹ. Người có đạo tới cầu nguyện, xin nước phép.

Phần bên ngoại có một cái am bà, và Chúa Linh-Sơn, mới làm xong một phần là cái nhà giữa.

Nhà cửa ở Kontum, như các công-sở chính-đốn lắm, như tòa Sứ, Đạo, ba quan thầy-thuốc, nhà các quan binh đội khố-đỏ, sở điện-báo... Nhà thường làm kiểu nhà cao-cẳng (nhà gác) lợp ngói, lát gạch, phên trúc-trịch. Nhiều thành-phố ở trung-châu cũng ít được sạch sẽ tiêm-tất như thế.

Nhà người ngoài cũng kiểu ấy, là lợp ngói, phên trúc-trịch. Song những nhà xưa thì làm kiểu cao cẳng, còn những nhà mới làm thì làm kiểu nhà thường, vì sãng gỗ lớn và dài phải đi kiếm xa hơn thì mắc mỏ hơn. Những thầy làm việc tòa Sứ đều mỗi người có mỗi cái nhà của nhà-nước. Người làm việc tại Đạo (1 Kinh-lịch, 3 thừa-phái) cũng đang làm nhà, mỗi người mỗi cái. Năm 1933 này mới làm 2 cái, sang năm mới làm thêm. Còn nhà cho thuê cũng nhiều, hoặc làm riêng, hoặc chừng căn phố.

Thành-phố Kontum có ba cái máy điện nhỏ: một máy tại tòa Sứ, thắp tòa Sứ, Đạo, và các công-sở, và đường sá xung-quanh; một máy của ông MAULINI thắp hai nhà khách-sạn của ông ta (Auberge des Trois Chevaux và Bungalow) những nhà xung-quanh và mấy lối đường xung-quanh đó. Nhà tư thì ai trả tiền nấy, còn đường sá thì nhà-nước chịu tiền. Một máy thứ ba tại nhà Đức-cha JANNIN, thắp vùng xung-quanh đó.

Kontum dân số chừng 5.000 người. Trong ấy có chừng 1.000 con nít dưới 12 tuổi. Tại thành-phố Kontum, người Pháp thì có quan Công-sứ, quan phó Công-sứ kiêm chức kho-bạc, quan tư khố-xanh (kiêm cả chức cảnh-sát, thú-y, đề xét lò thịt và kiểm-lâm), 1 quan một khố-xanh coi lao (quan thầy thuốc lúc trước thì người Pháp, nay người mình). Ngoài thì có ông MAULINI và phu-nhân, lúc trước làm quan đồn khố-xanh, nay thôi làm việc, về làm thầu khoán những công việc lớn. Ông ấy lại làm chủ nhà khách-sạn «Auberge des trois chevaux» và «Bungalow». Trại khố-đỏ có 1 quan ba, 1 quan hai, 1 quan một, 6 viên đội.

Người An-Nam làm việc các công-sở chừng 30 người lên xuống.

Người ngoại-quốc chỉ có ba người Trung-hoa, bán tạp-hóa và thuốc bắc.

Kontum có một rạp chóp bóng, thỉnh thoảng cũng có chiếu (mỗi tháng một lần), một rạp hát, thỉnh-thoảng con hát Bình-dịnh lên hát hội. Năm 1933, có ông Huỳnh Công Giáp làm việc tòa Sứ về hưu có lập một gánh hát cải-lương tên là «*Kontum phong-cảnh*», song cũng phải đi cùng các chỗ chứ không ở luôn một chỗ đặng.

Các hội hè, Tây thì có *cercle tây*, An-Nam có *cercle sportif*, đánh *foot ball*, *tennis*, cưỡi ngựa, đọc sách.

Về cách ăn uống thì ở *Kontum* cũng dễ-dàng. Có chợ *Kontum*, hai cái nhà dài bằng ngói. Lúc trước đông một ngày một buổi, buổi mai từ 6 giờ tới 7 giờ thì tan, cả ngày không có chợ nữa. Từ ngày 1^{er} *Avril* 1933, chợ ấy đông mỗi ngày hai buổi, buổi mai từ 6 giờ tới 8 giờ, buổi chiều từ 2 giờ tới 4 giờ.

Các thứ đồ trái và rau rắng, nhiều và rẻ lắm. Như cái bắp một bắp chừng 15 xu, 2 hào, xà lách một xu ba cây tốt.

Thịt-thà thì rẻ lắm vì heo bò nhiều. Mỗi ngày chợ *Kontum* hạ một con bò và vài ba con heo. Như thịt-thà thì giá định như sau này:

Thịt bò

| | |
|-----------------------------|--------|
| Xương xúp bò, một cái . . . | 0\$ 10 |
| Luối bò, một cái . . . | 0, 10 |
| Óc bò, một cái . . . | 0, 05 |
| Tim cật bò, một bộ . . . | 0, 20 |
| Phi-lê, một cái . . . | 0, 20 |
| Thịt bò, một cân tây . . . | 0, 35 |

Thịt heo

| | |
|-----------------------------|-------|
| Phi-lê heo, một cái . . . | 0, 07 |
| Sườn, một cái . . . | 0, 03 |
| Móng heo, một cái . . . | 0, 03 |
| Óc heo, một bộ . . . | 0, 04 |
| Tim cật, một bộ . . . | 0, 10 |
| Thịt heo, một cân tây . . . | 0, 40 |
| Mỡ heo, một cân tây . . . | 0, 35 |
| Luối heo, một cái . . . | 0, 04 |

Tôm và cá biển, mắm, nước mắm ở Qui-nhơn chở lên bán. Tôm cá th kho rồi, chở theo xe điện. Còn ở *Kontum* có cá trê, cá tràu. Sông *Dak Bl* có cá xiêu, cá phá, cá đoài, cá rằm và cá bống cá.

Có hai phố lớn bán tạp hóa đủ đủ lon, đồ hộp, rượu tây (các thứ *vin fins* cũng có). Nước đá mỗi cân 18 xu. Các phố buôn chở theo xe thơ thường ngày thì tại tòa Sứ làm.

Ở *Kontum* chỉ sự nước uống phải cần-thận, là chỉ uống nước nấu rồi và dùng nước lọc mà thôi. Hiện nay có chỗ uống nước giếng, nhưng phần nhiều họ gánh nước nơi «*Giọt*» (suối) sau lưng Đạo. Suối ấy đã xây ba cái bể, có vòi chảy, để cho người ta đến gánh nước và xung quanh đều rào lại, cấm không cho ai được vào trong cả rừng nhỏ ấy, sợ làm cho cái «*suối*» phải dơ bẩn.

Tổng-luận

Tỉnh *Kontum*, tương-lai sau này có lẽ trở nên lớn-lao thịnh-vượng lắm.

Ngày xưa vẫn có tiếng nước độc, song mỗi ngày Chính-phủ cũng lo phương-kế mà chữa lần lần; lại người tự-tập càng ngày càng đông, thường sửa sang, dọn vén, cũng bớt sự độc-địa nhiều. Lại còn khí-hậu, mưa không lạnh lắm, nắng không nóng

lắm, như ở đây mà biết ăn uống chừng mực, biết giữ vệ-sinh, thì cũng ít khi phải đau ốm chi. Như chính ở tại thành-phố Kontum, hiện nay có hai người già hơn 65 tuổi, lúc mới lên Kontum chừng 12, 13 tuổi, đã ở tại xứ này những hơn 50 năm trời, vậy mà lưng không còm, mắt không lờ, tai không nhãng, cho nên trong tháng *Février* 1933 mới rồi, nhân dịp đức Hoàng-thượng ngự-giá nam-tuần, có ban cho hai đồng ngân-liền đề mà thưởng cái « sống dai », cho thiên-hạ biết rằng không phải ở Kontum mà buóc phải chết yểu.

Tỉnh Kontum đất rộng, đất tốt, đất còn nhiều, đất dễ làm, không có đá có sạn gì, lại theo lệ mới, cách trưng-chặt đất đai, khai phá đồn-điền, rất dễ-dàng, giản-dị, thì thêm một nước hồ cho người mình phải lũng lũng nên cái « đòn gánh » kia. Vậy dân nước mình, cũng không cần gì mà vội

lo cái vấn-đề « dân mãn » (*surpopulation*).

Dầu Mội mỗi ngày mỗi thuận, mỗi ngày mỗi đầu-phục thêm nhiều, như người mình lên đây làm ăn, khéo lợi-dụng, thì cũng thêm một tay sai khéo. Một quan Thượng-thư Nam-triều đã nói rằng: « Nước Đại-Nam ta không phải một dân-tộc An-Nam mà thôi ».

Đường sá càng ngày càng mở thêm, càng ngày càng sửa sang lại. Xe cộ lên xuống, người tới lui càng ngày càng đông, cho nên ngày nay Kontum cũng nhiều người biết hơn lúc trước.

Vậy những người đã xem đến tập « Kontum tỉnh-chi » này, cũng nên đề ý tới, và cũng nên chỉ vẽ cho những người khác, cho biết rằng mình cũng còn một cái kho vô-tận phía bên ngả tây dãy núi Hoanh-sơn này.

(Hết)

T. X.



BỨC ẢNH PHÓNG-ĐẠI

Tiếng xe vừa đỗ bịch xuống trước cửa một hiệu ảnh ở phố H. tỉnh H. D. người ngồi trên xe vừa bước xuống vừa bảo tên phu xe :

— Mày vào bảo ông chủ hiệu rằng có quan tới đến chụp ảnh, nghe !

Đoạn, quan chấp hai tay lại sau lưng, vênh mặt lên trời, thùng-thình đi bước một vào bên hiệu ảnh.

Không biết ngài là vị quan gì, nhưng thoạt trông diện-mạo của ngài thì ai cũng phải tròn-trợn vì nó có oai như những diện-mạo của các quan hàng ngang. Cái mặt ngài nó đã vừa đen lại vừa đỏ dẫm đỏ rịt như lò ong bầu, mà mỗi một lỗ rọi to bằng lỗ đồng tiền chính. Trên mép lơ-thơ hai khóm râu tằm mà ngài đã vuốt sáp cho nó cong lên như cái « ghi-dông » xe đạp, để lộ hẳn ra một cặp môi thâm sì đi đôi với hai con mắt trắng rã của ngài, để biểu dương cho mọi người biết cái linh-nết của ngài là thế nào vậy. Trên đầu ngài đội một cái khăn nhiễu tây có nhiều nếp, mình mặc một cái áo gấm thối-thê, nhưng có lẽ ngài cho mặc như thế là ngoại-giao quá, nên ngài phải mặc phủ một cái áo sa-tây trơn ra ngoài cho nhã-nhặn. Cái quần là trắng bộp bưng chấm gót che gần hết mũi dùi giày ban bằng « vét-ni » bóng lộn, nên lúc ngài giờ chân bước đi thì mới thấy để hở ra đôi-bít tất lụa màu vàng nõn chuối.

Quan lớn đi vào bên hiệu ảnh rồi đứng lại đấy để chờ người chủ hiệu ra đón.

Người chủ hiệu ảnh xưa nay vốn là người giao-thiệp giỏi và khéo chiêu khách. Đương lúc kinh-tế khủng-hoảng ế bần, nên mới nghe thấy tiếng nói của quan đến chụp ảnh, thì vội đội khăn mặc áo ra đón, chẳng cần biết là quan nào, cứ thấy xưng là quan thì chào mỗ là quan-lớn.

Mời quan-lớn vào trong nhà rồi gọi Quýt pha nước uống. Chủ nhà và Quýt ra về dịp-dàng lễ-phép lắm.

Quan khách ngồi xuống ghế, vắt chéo hai chân lên rồi nói :

— Tôi nghe thấy nói hiệu ngài chụp ảnh khéo lắm. Tôi muốn phóng-đại một bức.

Người chủ-hiệu trước tưởng quan khách chỉ chụp một bức ảnh nhỏ vì nếu cỡ vài thì quan khách cũng chỉ lấy thêm cho vài bức là cùng. Hay đây quan khách lại muốn lấy một bộ phóng-đại. Phóng-đại một bức ảnh vẽ đã chẳng mất bao nhiêu mà lời là nhiều, và nếu cố chiều khách ra thì thì còn có thể nài thêm được nữa. Thế là một cái lợi to trong lúc kinh-tế này. Thấy quan khách nói thế, người chủ hiệu bèn chấp tay nói một cách cung-kính rằng :

— Bầm quan-lớn, từ khi chúng tôi mở hiệu ảnh này đến giờ, được phần nhiều các quan đã có lòng chiếu-cổ và ai cũng công-nhận nước ảnh của hiệu chúng tôi vừa đẹp vừa bền.

Nói rút lời, người chủ-hiệu lại diềm một nụ cười trên môi, khiến cho quan khách vui lòng mà gật đầu ngay và nói :

— Tôi đã biết, tôi ở dưới phủ Ninh. Sáng hôm nay tôi có sang ăn giỗ nhà cụ An Lê, thấy bức ảnh của cụ đẹp lắm. Tôi có hỏi ông ẵm rằng trước cụ lớn chụp ở đâu thì ông bảo chụp ở hiệu ngài đây. Vậy phóng-đại một bức như thế thì ngài lấy bao nhiêu tiền ?

— Bầm quan lớn, chúng tôi vẫn thường phóng-đại hầu các quan một chục một bức. Còn khéo sắm-sửa khăn áo cho các ngài thì các ngài lại thưởng thêm.

Người chủ-hiệu tưởng nói thế dễ cho quan khách mặc cả dần thì vừa, may đâu lại gặp được ông quan khách này có tính hào-phóng, chỉ cần của tốt không kỳ-nề đồng tiền, gật đầu bằng lòng ngay và nói :

— Tôi cũng trả ngài bằng giá của các quan. Nếu ngài chụp đẹp thì tôi lại thưởng thêm cho. Nhưng ngài có mũ áo châu không đã ?

Người chủ hiệu mừng quýnh lên vội nói :

— Bầm quan lớn có ạ.

Rồi hai tay nâng chén nước lên tận mặt quan khách nói :

— Xin rước quan lớn xoi nước rồi vào phòng sắm-sửa áo.

Quan khách đỡ lấy chén nước uống rồi cùng chủ-hiệu đi vào phòng trong.

Chủ hiệu mở tủ lấy ra nào mũ cánh chuồn, nào áo châu, nào đai, nào hia,

nào áo phàm-phục, mũ quan-viên, thứ nào cũng đẹp mà nói với quan khách rằng :

— Bầm đây, quan-lớn muốn dùng thứ nào thì xin tùy-ý.

Quan khách mới trông thấy bộ mũ áo châu đã lấy làm thích-ý lắm, liền bỏ khăn ra, cầm lấy cái mũ cánh chuồn đội ngay vào đầu mà nói :

— Tôi bận bộ này.

— Vâng, xin quan-lớn cứ bận vào cho.

Rồi chủ-hiệu đội mũ mặc áo và xô hia vào cho quan. Xong đâu đấy rồi quan ra đứng trước cái gương to vừa ngắm vừa túm-túm cười ra vẻ đắc-ý lắm.

Chủ-hiệu vừa chừa sửa lại mũ áo cho quan vừa hỏi :

— Bầm quan-lớn, tước của ngài là gì kia ạ ?

— Tước của tôi là quan nghị.

Đến bấy giờ người chủ hiệu mới biết vị quan khách ấy là quan nghị-viên, liền hỏi :

— Quan-lớn đã được Hàn-lâm chưa ?

— Sắp được, tôi đã nhờ cụ lớn Thượng xin hộ rồi, kỳ xuân thủ này thế nào cũng được.

Chủ-hiệu đứng ngắm-ngẫm một lúc rồi nói :

— Bầm quan-lớn, ngài chưa có phẩm-tước gì, cứ theo phép ra ngài chỉ bận được bộ mũ áo bổ-tử con cò thôi, xin quan-lớn bỏ bộ mũ áo này ra, kéo có sự quan-hệ về sau cho cả tôi với ngài.

Nói rồi giờ hai tay lên toan nhắc cái mũ ở đầu quan nghị ra. Quan nghị vội vừa giữ lấy mũ vừa nói :

— Cuối năm nay thế nào tôi cũng được. Ngài cứ chụp cho tôi, tôi xin tính thêm hầu ngài.

Chủ-hiệu đứng ngắm-ngẫm vài phút rồi nói :

— Kề ra người chưa có phâm-tước gì, mà bạn mũ áo châu để chụp ảnh thì không được. Nhưng chỗ quan-lớn với tôi thì tôi cũng có cách mà làm được cho quan-lớn khỏi có điều ngại về sau. Vậy quan-lớn cho thêm bao nhiêu nữa.

Quan nghị, vì sợ chủ-hiệu nhắc cái mũ cánh-chuồn ở đầu ra, nên cứ vừa khư-khư giữ lấy mũ vừa nói :

— Tôi xin tính thêm hầu ngài 5 \$ nữa.

Chủ-hiệu ra ý ngăn-ngại một lúc rồi mới nói :

— Thôi được, chỗ quan-lớn với tôi thế nào cũng xong. Xin mời quan-lớn vào nhà kính để chụp.

Đoạn hai người cùng đi vào nhà kính.

Quan nghị ngồi trên ghế, chấp hai tay để lên bụng, mặt làm ra vẻ nghiêm-trang, mắt nhìn thẳng, trông rõ ra phết một vị đại-thần. Chủ-hiệu muốn lĩnh thêm món tiền thưởng của quan nghị nữa, bèn ra sức chữa sửa mũ áo cho quan. Y vừa lom-khom cúi xuống chữa sửa mũ áo vừa túm-tím cười. Hết đứng dằng trước lại chạy ra dằng sau, hết đứng bên tả lại sang bên hữu; lúc thì xoay lại cái mũ, lúc thì kéo cái hò áo cho thẳng, hết nâng cái đai lên lại kéo cái gấu áo xuống, rồi mới chạy lên chỗ hòm ảnh chòm khăn để ngắm. Ngắm rồi lại sòng-sọc chạy xuống để một tay vào gáy và một tay vào cầm quan nghị, vừa nâng cằm lên vừa nói : « Xin phép quan ». Rồi lại để hai bàn tay vào má quan nghị mà vừa xoay sang bên tả vừa nói : « Xin quan xoay sang bên này cho một tí ».

Quan nghị cứ ngồi yên như phỗng, để mặc cho người chủ-hiệu muốn

làm thế nào thì làm miễn sao cho được đẹp thì thôi.

Chủ-hiệu cứ chạy lên chạy xuống ngắm nghía và chữa sửa như thế một lúc lâu rồi mới chụp.

Chụp xong ha-hả cười và nói :

— Bẩm, bức ảnh của quan đẹp lắm. Rồi mời quan nghị vào phòng thay áo.

Quan Nghị thay áo rồi lại ra chào khách, Chủ-hiệu nói Ngài đặt cho tôi và nói : Hai hôm nữa thì ảnh xong. Quan nghị giữ ví lấy đưa cho người chủ-hiệu cái giấy bạc 5 \$ và bảo cho cái khuôn ảnh để đi Hà-nội mang khung.

Chủ-hiệu lấy sổ biên-lai ra viết rồi hỏi :

— Bẩm quý-hiệu quan là gì ?

Quan nghị vừa lắc đầu vừa nói :

— Không, tôi có buôn-bán gì đâu mà mở hiệu.

Chủ-hiệu cố nín cười rồi lại hỏi :

— Bẩm, tên quan-lớn là gì kia ạ ?

— À, tên tôi là Trần Đức-Nghê làm quan nghị ở phủ Ninh.

Chủ-hiệu miệng nhảm tay viết « Quan nghị Trần Đức-Nghê ». Viết xong cái biên-lai, lấy dây đo cái khuôn ảnh rồi đưa cả cho nghị Nghê.

Nghị Nghê cầm lấy cái biên-lai và cái dây bỏ vào túi, chào người chủ-hiệu rồi chấp hai tay lại sau lưng khệnh-khạng đi ra xe để ra ga đi Hà-nội.

Ngồi trên xe nghị Nghê nghĩ đến cái ảnh phóng-đại có mũ, áo, đai cái ấy mà chụp xong, có lẽ còn đẹp hơn bức ảnh phóng-đại của quan Áo Lơ nhiều, thì lấy làm thích-ý lắm. Túm-tím cười một mình rồi tự nghĩ một mình rằng : « Như thế mà để về sau thì cũng

là quan chủ-gi. Ai còn biết đâu những lúc mình hàn-vi làm bồi ở Hải-phòng, rồi để dành được ít vốn về cho vay lãi mà được như bây giờ. Hễ mà lão thợ ảnh này mà chụp được khéo, làm cho cái dáng mặt của mình rõ ra quan xứng với bộ mũ áo châu ấy, thì mình sẽ thưởng thêm hẳn cho một công nữa mới được. »

* *

Hai hôm sau nghị Nghèn đem một cái khung ảnh trạm bong thép vàng về hiệu ảnh mà hôn-hở khoe với người chủ hiệu. Người chủ hiệu trông thấy cái khung thì tấm-tắc khen đẹp và nói :

— Cái khung này lồng bức ảnh của quan lớn mới xứng,

— Ảnh được chưa, ngài đưa để tôi lồng vào khung đem về tiện-thề.

-- Bẩm đã.

Rồi người chủ hiệu đi mở tủ lấy bức ảnh để đưa cho nghị Nghèn. Trong khi người chủ hiệu đi lấy ảnh thì nghị Nghèn giở ví lấy hai cái giấy bạc 55 để ra bàn để trả nốt tiền ảnh. Người chủ hiệu cầm bức ảnh giở ra vừa đưa cho nghị Nghèn vừa nói :

— Bức ảnh của quan lớn đẹp và rõ lắm, thật quả từ ngày chúng tôi ra mở hiệu đến giờ chưa phóng-đại được bức ảnh nào đẹp như bức ảnh của quan lớn này. Xin quan-lớn thưởng thêm cho.

Đưa bức ảnh cho nghị Nghèn rồi, cầm lấy hai cái giấy bạc bỏ túi.

Nghị Nghèn miệng nói « được », tay cầm lấy bức ảnh xem. Ngắm đi ngắm lại một hồi lâu rồi bỗng sa-sâm mặt xuống và hỏi :

— Làm sao mà mặt lại có nhiều nốt chấm đen thế này, hở ngài ?

— Bẩm quan lớn, đó là những nốt rỗ của quan lớn đấy ạ.

— Ngài làm ơn cạo đi cho.

— Bẩm quan lớn, tranh thì mới tày được, chứ ảnh thì không thể lấy đi được nữa.

— Tôi tưởng ngài phóng-đại có đẹp được như bức ảnh của quan Án Lê, thì tôi mới thuê phóng-đại một bức để về sau cho con cháu nó thờ, chứ ngài phóng-đại xấu thế này thì tôi còn lấy làm gì nữa.

Người chủ hiệu thấy nghị Nghèn nói một cách lỗ-bịch thì tức quá, nhưng y cũng phải lấy cách nhã-nhận của nhà hàng đối với khách, mà nói cho nghị Nghèn được bằng lòng rằng :

— Bẩm quan-lớn, ngài đã là bậc tri-thức, thì chắc ngài cũng thừa biết rằng chúng tôi chụp và phóng-đại ảnh ra chỉ cốt cho nó giống cái chân-tướng của người và rửa thuốc cho cái nét nó tươi lên thì là đẹp. Còn chính cái chân-tướng của người xấu hay đẹp, chứ chúng tôi có thể làm thế nào được. Và ngài đã phóng-đại một bức ảnh để lưu-truyền về sau cho con cháu thờ, thì ảnh cần phải giống hệt ngài mới được. Nếu ngài chỉ cần lấy ảnh đẹp mà không giống ngài, thì sau này con cháu ngài có nhìn ảnh ngài cũng như nhìn ảnh một vị quan-lớn khác mà thôi.

Những lời ngọt-ngào của người chủ hiệu không thể đánh đổ được cái lòng « người xấu lại muốn tốt » của nghị Nghèn, nên khi người chủ hiệu vừa nói dứt lời thì nghị Nghèn vút ngay cái bức ảnh xuống bàn rồi lườm một cái mà nói :

— Người xấu mà chụp thành đẹp được thì mới tài chứ !

Người chủ hiệu không còn biết nói thế nào cho vừa lòng nghị Nghèn được nữa, y bèn lấy cái gương để ra trước mặt nghị Nghèn mà ôn-lòn nói rằng :

— Xin quan-lớn thử soi lại xem mặt quan-lớn có giống hệt với mặt trong ảnh không đã, rồi quan-lớn hãy chê chúng tôi là vụng. Nếu giống thì quan-lớn thưởng thêm cho.

Nghị Nghèn cầm lấy gương soi rồi lại nhìn vào bức ảnh mà nói :

— Ừ, giống thì giống thật nhưng phải cái mặt nhiều nốt chấm đen, bần lấm, tôi không lấy.

— Bầm, thế mặt quan-lớn có rõ không a ?

— Mặt tôi rõ thì rõ, chứ ảnh cũng rõ thì tôi không lấy. Thôi ông trả lại tiền tôi đây.

Người chủ hiệu biết rằng nói ngọt với nghị Nghèn cũng không ăn thua gì, bèn lấy lý mà bảo nghị Nghèn rằng :

— Ông nói khó nghe lắm ! Ông đã

bằng lòng chụp ảnh và trả tiền rồi, thì ông không có phép trả ảnh mà đòi lại tiền được nữa. Ảnh chụp cho ông, chứ có phải tấm vải đầu mà ông trả lại để tôi còn bán cho người khác được.

Người chủ hiệu nói thế mặc lòng, nghị Nghèn cứ nằng-nặc đòi lại tiền, sau y phải dọa nghị Nghèn rằng :

— Nay, tôi bảo thật cho anh biết, anh có khôn hơn thì cầm ảnh về. Nếu anh còn đứng đây mà nói lời-thôi nữa, thì tôi sẽ đem bức ảnh này vào trình cụ Thượng rằng anh không có quan-tước mà dám ngất-ngưỡng là quan, bần mủ áo châu vào chụp ảnh thì anh đừng trách.

Bấy giờ nghị Nghèn mới tỉnh ra, sợ tái mặt đi, lẳng-lặng cầm ảnh ra về... Thế nhưng người chủ hiệu hãy còn thiệt mất món tiền thưởng về cái công đã ngăn nghĩa để đóng mủ áo châu cho quan một cách rất cần-thận kia đấy.

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG



KHẢO VỀ LUÂN-LÝ

HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

■

XIV

TIẾT THỨ IV. — *Cái đặc-sắc của luồng tư-tưởng cuối đời Hán*

Nhân-tâm cuối đời Hán có cái vẻ rất là chán đời, đó cũng bởi cái ảnh-hưởng về tư-tưởng và cái sự-tình trong xã-hội khi ấy mà xui nên.

Sự-tình trong xã-hội khi bấy giờ. — Sự-tình xã-hội bấy giờ khiến cho nhân-tâm xoay về mặt chán đời; có những điều thâm-tệ như sau này: 1) Uy-quyền của triều-dinh trụy-lạc hết cả; 2) Kẻ quần-hùng nổi lên như ong; 3) Ngoài thì di-dịch vào xâm-lấn. Uy-quyền của triều-dinh mà đến trụy-lạc, cũng bởi có nhiều nguyên-nhân, nhưng nguyên-nhân thứ nhất là bởi các hoạn-quan với các đảng-phái xung-đột với nhau. Nguyên triều-dinh nhà Hán lúc trước đã có bọn hoạn-quan làm rối-loạn triều-chính, vì bọn ấy hầu gần nhà vua, thế-lực nó không thể dè nên đi được, Chu Mục có câu xin bỏ những kẻ hoạn-quan, Hoàn-đế lại lấy làm giận. Bởi vậy kẻ hoạn-quan nó mới làm độc-hại triều-dinh càng ngày càng tệ, những kẻ sĩ khí-tiết khảng-khải không thể khởi lên được, nên mới sinh ra một bọn gọi là bọn đảng-nhân. Bọn đảng-nhân ruộng-xích kẻ hoạn-

quan, thường xung-đột với nhau, sau bị kẻ hoạn-quan bắt bọn đảng-nhân đem tống-ngục. Bọn đảng-nhân vốn là những người có danh-vọng trong thiên-hạ, nay phải bị tội, nên nhân-tâm mới lia bỏ nhà Hán. Bởi thế nhà Hán mới suy kém dần, những kẻ sĩ hào-khiết, chia nhau cát-cử bốn phương, tranh-giành thế-lực, như là Tôn Quyền, giữ đất Giang-nam, Lưu Bị giữ đất Thục, Tào Tháo thì hiệp đảng thiên-tử để hiệu-lệnh đất Trung-nguyên, thiên-hạ mới thành ra rối loạn. Trung-ương chính-phủ đã mất cái thế-lực phòng-ngữ quân di-dịch, nên những rợ di-dịch ở ngoài biên mới khởi lên, mà lấn vào đất Trung-nguyên. Ấy cái sự-tình xã-hội bấy giờ như thế, nên nhân-tâm mới lo sợ, mà ôm cái tư-tưởng chán đời.

Ảnh hưởng về trên đường tư-tưởng.

— Trên đường tư-tưởng chịu về cái ảnh-hưởng thứ nhất là Phật-giáo. Phật giáo cho rằng trên đường đời đầy những khổ-ão, mới giảng-thuyết cái phương-pháp để cầu cho thoát-ly khổ-não mà đạt đến cõi nát-bàn. Xưa nay tư-tưởng người Tàu, vẫn có cái đặc-sắc về chủ-nghĩa thực-tế, chủ-nghĩa thực-hiện; Phật-giáo thì không thế, toàn đứng về

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ đảng-tác, Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N. P. từ số 168.

cái chủ-nghĩa siêu-việt mà là phái xuất-thế. Từ khi vua Minh-đế cảm về mộng-mị mà rước Phật-giáo về, và phiên-dịch kinh-điển, chủ-tạo tượng Phật, Phật-giáo mới càng ngày càng thịnh. Từ khi Phật-giáo phổ-cập thì nhân-tâm mới sinh ra chán đời.

Ngoài Phật-giáo ra lại còn Đạo-giáo cũng hay khiến cho tư-tưởng người Tàu sinh ra chán đời. Đạo-giáo với Nho-giáo đều có cái thế-lực lớn hay sai-khiến được cái tư-tưởng dân-tộc nước Tàu. Đời Tiền-Hán vua Võ-đế nhiệt-tâm trọng-lệ cho Nho-giáo, nên Nho-giáo mới hay đảo-áp được các học-phái khác. Nhưng vẫn không hay tiêu-diệt hết được phái Đạo-giáo, nên cái đạo họ Hoàng họ Lão vẫn còn ngấm có cái thế-lực lớn ở trong xã-hội. Có những kẻ xưng là Cự-Lộc Trương-Giác theo về đạo Hoàng Lão, lấy phép phù-thủy trị bệnh, sai kẻ đệ-tử đi bốn phương khuyến-dụ lấy kẻ đồng-chí, trong khoảng hơn mười năm, kẻ tin theo đến vài mươi vạn người. Xem thế thì biết cái thế-lực Đạo-giáo đối với người Trung-quốc như thế nào. Trước kia đã nói cái tư-tưởng phái Đạo-giáo vẫn khuynh-hướng về chán đời, bởi vậy Đạo-giáo đã phổ-cập, thì nhân-tâm phải sinh ra chán đời.

Triều-đình lúc bấy giờ kẻ hoạn-quan rất là hoạnh-ngịch, những kẻ biền-nhân quân-tử đều phải ăn-nấu cả, bởi vậy kẻ anh-hùng hào-kiệt mới khởi lên ở bốn phương mà thiên-hạ sinh ra loạn, nhân-dân khi ấy trông về xã-hội đã thất-vọng cả. Khi ấy muốn yên-ủi cho lòng dân, thì không ngoài Phật-giáo hay là Đạo-giáo. Mà Phật-giáo với Đạo-giáo về nhân-sinh-quan thì vốn có cái chủ-nghĩa yếm-thế, nên dễ thu-phục được lòng dân. Cho nên lòng

dân lúc cuối đời Hán mà sinh ra chán đời, thực bởi cái ảnh hưởng về đường tư-tưởng và thực-tình của xã-hội khi ấy.

Cái khuynh-hướng khi ấy nó theo với cái tư-trào chán đời.— Cuối đời Hán cái tư-trào chán đời rất là nồng-nàn, nên sinh ra nhiều cái khuynh-hướng : 1) Chủ-nghĩa cá-nhân lúc ấy cũng mới khởi lên ; 2) Luận bàn về cách dưỡng-tính cũng phát-đạt ; 3) Cái thuyết thần-bí khi ấy cũng mới lưu-hành, đó đều là cái hiện-tượng cốt-lủ khi bấy giờ. Những cái hiện-tượng ấy nó vẫn có quan-bệ với nhau, đều theo với cái tư-tưởng chán đời mà cũng khởi-phát lên vậy.

Chủ-nghĩa cá-nhân vụt khởi lên.— Khi ấy trật-tự xã-hội đã rối-loạn, lòng tư-tưởng của người ta đều khuynh-hướng về mặt chán đời, ai nấy cũng nghĩ đi trốn đời để cho toàn thân, Ấy cái chủ-nghĩa cá-nhân nó đã manh-nha ra cái tư-tưởng ở trong tâm người ta khi bấy giờ. Từ cuối đời Hán cho đến đời Tam-quốc đời Lục-triều, cái tư-tưởng về chủ-nghĩa cá-nhân rất là thịnh, chẳng khác gì như ở cuối đời La-mã vậy.

Luận về cách dưỡng-tính cũng phát-đạt.— Chủ-nghĩa cá-nhân là cốt tránh cho khỏi những điều thống-khổ trong xã-hội, để mong cho được thân mình bình-lĩnh, bởi thế mới giảng bàn về cách dưỡng-tính rất là phát-đạt. Hoài Nam-tử cho tính người là hư-tĩnh, mới xướng lên cái cách sinh-hoạt hư-tĩnh để thuận theo bản-lĩnh, đó tức là giảng bàn về cách dưỡng-tính vậy. Đến cuối đời Hán giảng-bàn về cách dưỡng-tính lại càng thêm nhiều mãi ra, tức như

Toán Duyệt Từ Căn đều bàn về dưỡng-
 linh cả. Lại có một người nổi tiếng
 xưng là Thiên-âu-tử, cũng xuất-hiện
 ra một thuyết dưỡng-tinh. Thiên-âu-
 tử cho rằng linh-khí là bản-tinh của
 người ta, người ta đã chịu lấy cái linh-
 khí tự-nhiên ấy mà sinh ra, thế thì cái
 linh-khí tức là bản-tinh của người.
 Người ta cần phải phát-huy cái linh-
 khí ấy, đừng mê về thế-lực, đừng
 hoặc về tà-ác, thì tức là thần-tiên. Nay
 muốn phát-huy linh-khí cho đạt đến
 bậc thần-tiên, thì phải tu-đưỡng như
 thế này: 1) Trai-giới; 2) Ở yên; 3) Giữ
 đừng nghĩ can; 4) Tự-nhiên quên đi;
 5) Hiểu về thần-bí. Đó là năm cái giai-
 cấp cần phải qua để tu-đưỡng. Trai-giới
 là cần phải tắm gội cho sạch-sẽ, tiết
 sự ăn-uống cho vừa phải, soa kỹ
 ngoài da cho bỏ hết khí lạnh. Ở yên
 là ngồi yên ở trong một cái nhà dựng
 dề cho tối quá sáng quá. Giữ đừng nghĩ
 can là đừng để cho cái tâm nó phóng
 ra ngoài, phải niêm-tâm ở bề trong cho
 yên-lặng. Tự-nhiên quên đi là quên
 hết những sự hành-vi, mà phạm có
 hành-vi đều gì điều không trái với luân-
 lý. Hiểu về thần-bí là thấu hết cái thái-
 trạng của thần-tiên.

Thuyết thần-bí lưu-hành. — Thuyết
 dưỡng-tinh với thuyết thần-bí cũng
 hơi giống nhau. Thuyết dưỡng-tinh đến
 sau thì thành ra thuyết thần-bí. Nguyên
 thuyết dưỡng-tinh luận về cái tinh
 người cho là linh-khí, nếu mà tồn-
 dưỡng bản-tinh, tức là cái cách tu
 dưỡng rất cao; tiến lên một bậc nữa
 thì chắc tin rằng cái tinh-thần người
 ta có thể giao-thông với thần-linh, bởi
 thế mới sinh ra thuyết thần-bí mà suy
 cho đến cực-đoan, lại sinh ra nhiều
 thuyết hoang-đường vô-kê lắm.

CHƯƠNG THỨ III. — *Tư-tưởng luân-lý
 về đời Lục-triều*

TIẾT THỨ I. — *Nói tóm đại-khái*

Từ đời Hậu-Hán mất đi đến đời Tùy
 thống-nhất, trong khoảng độ 400 năm,
 nay kể tóm trong đời Lục-triều
 mà đại-lược nói qua về những hồi tư-
 tưởng biến-thiên.

Đời Lục-triều tức là những đời nhà
 Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, đều
 đóng đô ở đất Kiến-khang đất Giang-
 nam. Các nước thời ấy những khi thịnh
 suy tiêu-trưởng, rất là phức-tạp, bởi
 vậy phải lược-kể cái thời-thế biến-thiên
 lúc ấy. Cái thời-thế nguyên nó có quan-
 hệ mật-thiết với cái tư-tưởng luân-lý,
 nếu không biết rõ cái đại-thế về thời-
 thế, thì không thể hiểu rõ được cái tư-
 tưởng luân-lý lúc bấy giờ, dầu kể ra
 cũng không có thú-vị gì.

Bối Tam-quốc phân-lập. — Đời Hậu-
 Hán mất đi rồi đến đời Tam-quốc,
 Tam-quốc tức là những nước Ngô,
 Ngụy, Thục-Hán. Cuối đời Hậu-Hán,
 nội-chính rối-loạn, quân-hung nổi lên
 ở bốn phương, trụ-trung có Tào Tháo.
 Lưu-Bị, Tôn Quyền ba người là có thế-
 lực hơn cả. Sau khi Tào-Tháo mất rồi,
 con là Tào Phi diệt nhà Hậu-Hán xưng
 là nước Ngụy. Khi ấy Lưu-Bị thì xưng
 là nước Thục-Hán, Tôn Quyền thì xưng
 là nước Ngô, thiên-hạ chia ba chân vạc.
 Vua tôi Lưu-Bị vẫn có cái chí muốn
 thống-nhất cả trung-nguyên, thường
 kéo quân ra dòm nom đất nước Ngụy,
 nhưng không thành-công, sau khi
 Lưu-Bị mất thì nước Thục lại phải
 nước Ngụy kiểm-tinh cả. Từ đấy lĩnh-
 thổ nước Ngụy rộng-rãi phi-thường,
 thế-lực cũng thịnh, song lại giết lẫn
 người trong cùng họ, thành ra nhà
 vua đứng cô-lập, kẻ quyền-thần là

Tư-Mã Viêm cướp mất nước Ngụy. Tư-Mã Viêm lại diệt cả nước Ngô mà thống-nhất cả thiên-hạ, tức là vua Võ-đế đời Tây-Tấn. Tự cuối đời Hán phân-tranh cho đến đời Tây-Tấn thống-nhất đã hơn 80 năm.

Đời Lương-Tấn và Nam-Bắc-triều.
— Vua Võ-đế nhà Tây-tấn thấy nước Ngụy vì nhà vua có lập mà đến mất nước, nên mới chia những nơi yếu-địa ở bốn phương phong cho chư-vương người cùng họ, để làm phen rào cho nhà vua. Nhưng cái nguyên-nhân trong họ khuynh-loạt nhau cũng khởi ra từ đây. Cái cuộc rối loạn tâm vua tranh nhau làm cho kỷ-cương trong nước bỏ nát cả, nên những nước ngoài ở phía tây-bắc nhân khi nhà Tấn không kịp đoái lo đến việc ngoài, mới lần vào đất nhà Tấn. Những nước ở phương bắc lẫn vào là nước Hung-nô Tiên-ti là giống Mông-cô; những nước từ phương tây lẫn vào là giống Chi-chung tức là giống Đê-bá-đặc. Từ đất Lạc-dương là nơi thủ-đô, đều phải nước Hung-nô lẫn cướp, vua Nguyên-đế mới thiên-đô đến đất Kiến-khang

phía đông-nam (nay là Nam-ki-xung là nhà Đông-Tấn. Chử bao nước Hung-nô diệt mất, giống (chúng là Bồ-Kiên nổi lên có thể-kiêm-tính cả phía bắc, xưng là Tiên-Tần, Bồ-Kiên đem quân đến ở nhà Đông-Tấn bị thua một trận ở Phi-thủy thì tan vỡ hết. Rợ Tiên-Tấn bắt-bạc mới khởi lên thay nhà Tấn, mà thống-nhất cả cõi đất về sông Hoàng-hà, xưng là nhà Hậu-Ngụy. Chử bao lâu nhà Hậu-Ngụy phá nhà Đông-Ngụy, Tây-Ngụy. Nhà Đông-Ngụy thì lại phải nhà Bắc-Tề cướp mất; nhà Tây-Ngụy thì phải nhà Châu cướp mất. Nhà Bắc-Tề cũng nhà Bắc-Châu kiêm-tính mất cả. Khi nhà Đông-Tấn thiên-đô, thế yếu dần đi, rồi bị phải nhà Tống cướp mất. Tự đời nhà Tống qua nhà Tề Lương nhà Trần rồi lại thống-nhất nhà Tùy. Đời Hậu-Ngụy đến đời Châu thì khởi ở phía bắc lưu-vực Hoàng-hà nên gọi là Bắc-triều; từ Tống đến đời Trần khởi ở đất Gi-nam, nên gọi là Nam-triều. Bởi mới gọi thời-đại ấy là thời-đại Bắc-triều đối-lập.

| | | | | | | |
|--------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---|--------------------|---|----------|
| | Nam-triều: Tống — Tề — Lương — Trần | | | | | |
| Thời-đại Nam Bắc-triều đối-lập | } | Bắc-triều: Hậu-Ngụy | } | Đông-Ngụy — Bắc-Tề | } | Bắc-châu |
| | | | } | Tây-Ngụy | | |

Xét qua về cõi tư tưởng.— Các nước khi hưng khi vong luôn luôn là thời-đại Lục-triều. Khi ấy là một thời-đại hắc-ám trong nước Tàu, đạo-đức đời-bại hết cả, những kẻ loạn-thần tặc-tử không thể kê xiết được. Thực-tình trong xã-hội rối-loạn như thế, nên nhân-tâm mới sinh ra cái tư-tưởng chán đời. Phật-giáo mới thừa lúc ấy mà tràn vào khắp cả.

Từ đời Hậu-Hán trở về sau, mới thấy tăng ở bên Tây-vực lục-lục ở nước Tàu để truyền cái giáo-nghe đạo Phật. Ở thời Nam Bắc-triều Phật-giáo thường được đấng quân-tôn-tín, có thế-lực ở trên đường c-trị. Đời vua Lương Võ-đế Phật rất thịnh, ảnh-hưởng lan đến cả Triều-tiên và nước Nhật-bản. K có một sư-tăng ở Nam Thiên tr

Bồ-đề-đạt-ma sang du-lich nước Tàu truyền-bá phái thiền-tông. Phiên-dịch ra kinh-điều càng ngày càng nhiều. Sách *Tùy-thư kinh tịch-chi* nói rằng: «Kinh Phật ở dân-gian bấy giờ so với sách lục-kinh nhiều đến gấp trăm». Xem đó đủ biết cái su-thế lúc bấy giờ. Nhân Phật-giáo tràn khắp cả mọi nơi nên những các cảnh già-lam tráng-lệ dựng ra khắp các nơi, mỹ-thuật về Phật-giáo lại càng phát-đạt lắm.

Khi ấy có phái học Lão Trang lúc thì xung-đột với Phật-giáo, lúc thì tiếp-cận với Phật-giáo, dễ duy-tri lấy thế-lực của mình. Phái Lão Trang truyền-bá đi có nhiều ảnh-hưởng ở xã-hội. Cái vụ đảng-cổ đời nhà Hán, làm cho những người tiết-ngĩa cao-thượng đều sinh chán-nản trần-tục; mà nhiều người đi ẩn-dộn ở rừng-núi để toàn-thần. Cái thói ẩn-dộn ấy tức là hợp với cái học-phái Lão Trang; nên những nước ngoài mới lần vào đất trung-nguyên, mà tranh thế-lực với bọn Hán-tộc, cuộc đời càng rối-loạn,

nên càng nhiều người tị-nạn lánh trong rừng núi, giăng bàn về cái tư-tưởng Lão Trang càng nhiều, tức như bọn Trúc-lâm thất-hiền là Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Kê Khang, Hương Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, lũ ấy đều say đắm về rượu chè, khinh-miệt cả lễ-pháp, hay giăng bàn về học-thuyết Lão Trang, thành ra cái thói chỉ ngồi thanh-dâm thê-sự. Cái học-thuyết Lão Trang đã lưu-hành, nên những tư-tưởng của học-giả bấy giờ cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy, tức như Vương Túc, Hà Yến giải-thích kinh nghĩa, mà cũng thường lẫn cả cái tư-tưởng của học-thuyết Lão Trang.

Thế-lực Nho-giáo khi ấy tỉ với Phật-giáo và Đạo-giáo, tuy rằng rất suy kém nhưng vẫn giữ được cái mệnh-mạch, vẫn còn ở trong cái luồng tư-tưởng chính ở nước Tàu. Xem thế thì cái tư-tưởng đời Lục-triều gồm có cả ba phái là Nho, Đạo, Thích.

ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật



VÌ ĐÁU NÊN NỔ?

TÙNG-TOI

Thanh-Cháu chỉ tay xuống cuối giường nói :

— Anh đã vào đấy ư? Anh ngồi xuống đây. Rồi tôi sẽ kể rõ đầu đuôi để anh biết vì đâu nên nổ.

Có gì đâu. Nguyên đêm hôm ấy tôi ở Hải-dương về Hà-nội có một mình. Tôi còn nhớ là một đêm tối trời lắm. Trừ quăng đường trước hai ngọn đèn của xe tôi ra, còn đen như mực cả. Thỉnh-thoảng tôi lại chiếu « pha » lên để soi đường và xem phong-cảnh, nhưng chỉ thấy con đường thẳng tắp với màu nhũn đen sì. Buồn quá, anh ạ! Tuy ngồi trong xe hôm kín mít mặc áo dạ, đeo « găng », mà tôi cũng thấy lạnh, vì trông ra cảnh-vật quanh mình đều âm-thầm lạnh-lẽo. Chiếc xe của tôi đi êm quá, nhưng lúc này tôi lại không lấy thế làm thích, tôi lại muốn đi cái xe cũ có tiếng sọc-sạch để cho đỡ tịch-mịch lúc đêm vắng dăm trường. Chốc-chốc tôi lại bóp còi, hễ còi nọ đến còi kia cho vui tai, tuy rằng đường chẳng có ma nào cả. Tôi cứ phân-nản rằng đêm hôm nay là đêm gì mà chẳng có trăng chẳng có sao, để con đường tối đi nó tối-tăm buồn-bã đến thế!

May sao lúc tôi đi qua Hải dương được độ dăm cây số, tình cờ vừa chiếu « pha » lên, thì, giữa khoảng ánh sáng chói-lọi trước mắt tôi, một chiếc xe hòm đỗ ở vệ đường. Làm cho tôi chú-ý hơn nữa là một thiếu-nữ tân-thời, tay cầm « sách » che lên trán cho khỏi chói, tay giờ lên làm hiệu cho xe tôi đỗ

lại. Tôi nghĩ bụng : lại « ăng-pan » ch gì!

Quả thật, xe tôi vừa đỗ thì thiếu-nữ thò đầu vào trong xe, lúm-lúm :

— Thưa ông, xe tôi bị hỏng, ông là ơn cho tôi nhờ về Hà-nội, tôi rất cảm-á

Thật là gãi vào chỗ ngứa của tôi. Tôi cười, xuống xe mở cửa sau, g tay ra mời nàng.

— Rất lấy làm hân-hạnh mà v lòng, xin mời cô-nương.

Nàng cảm ơn, nhẹ-nhàng bước lên quoy lại bảo tài-xế.

— Ở đây trông cần-thận, đợi xuống dặt nhé!

Thế rồi liếng cửa đóng đánh sầm, xe tôi quay bánh. Nhưng từ bấy giờ trở đi là ruột tôi cứ nóng lên, nóng không yên, chốc-chốc lại phải qu đầu nhìn lại. Đi được mươi cây số, cảm lòng không được, tôi đỗ xe đá bạo lễ phép mời nàng lên cùng ngồi chuyện cho đỡ buồn. Nàng vui lòng tôi cời từng khúc ruột. Tôi hỏi nó có rét không, có cần áo quàng không để tôi hiến, nhưng nàng từ-chối lấy cớ rằng cũng đủ ấm vì đã có m teau. Tôi hỏi xe nàng hỏng gì, nàng không biết, nàng chỉ thấy xe khó chạy được và tài-xế bảo hỏng thì i rằng hỏng mà thôi. Tôi hỏi nàng ở 1 nào để tôi xin đưa đến tận nhà, n nói cho nàng về Aviat gọi xe dặt rồi nàng về Cửa-bắc. Tôi hỏi chồng n làm gì, nàng đáp bằng tiếng Pháp r hãi còn « sê-li-bát » và đang theo học

médecine. Tôi hỏi nhát gừng mà nàng cũng đáp nhát gừng. Đã hơi thất-vọng ! Nhưng không, nàng chỉ ít nói lúc đầu thôi. Một lúc lâu thì hai chúng tôi đều như đã té-mé sau khi đặt chiếc tàu xuống cạnh bàn đèn, nghĩa là câu chuyện của chúng tôi nở như gạo rang trong chảo nóng. Thoạt-tiên là chuyện trên trời dưới biển, vơ-vẩn những là : Đêm hôm nay rét nhỉ ! Chiếc xe này đi êm nhỉ ! Ông lặn bao nhiêu thế ? Xe của ông có phải là Ford không ? Xe của cô có phải Peugeot không ? Có có biết cầm máy không ? ... Rồi đến câu chuyện về xã-hội, về nam-nữ thanh-niên của đời mới — một vấn-đề có dính-dáng đến chúng tôi. Nàng tỏ ý-kiến nàng thế này, tôi tỏ ý-kiến tôi thế nọ, song, rút lại chúng tôi đều đồng-ý với nhau, nhưng nói cho đúng hơn là tôi không muốn làm nàng trái ý. Rồi nàng bình-phâm bộ « i-ve » của tôi ; nàng hỏi ý-kiến tôi về mớ tóc của nàng để thec như lối của nàng mới nghĩ ? Dần-dần tiếng ông tiếng có đã đời ra là câu với tôi, mà câu chuyện phiu-phiếm cũng đời ra thiết-thực. Nàng kể cho tôi nghe đời lưu-học-sinh của nàng bốn năm trồi trong trường nữ-sư-phạm. Tôi cũng kể đời lãng-mạn của tôi hồi du-học ở Paris. Chúng tôi nói vui lắm, rất dầm-thấm, rất mặn-mà, mặc bên ngoài sương-sa gió thổi. Mặc dưới xe đá bột lá bay, mặc, mặc luối. ...

Nhưng mà, anh ơi ! Lửa gần rơm, anh ạ. Lốp sóng tình nó mãnh-liệt vô-cùng, nó đã phá tan con đê đạo-đức mà tôi cuốn chùng tôi vào biển ái. Thế là chúng tôi bắt đầu nói đến chữ... « yêu ». Từ nãy đến giờ tôi cho xe đi thong-thả để muốn cho cuộc nói chuyện của chúng tôi được êm-ái dịu-dàng, thì bây giờ tôi cho nó chạy nhanh lên để giúp cho cái tình nồng-nàn của chúng

tôi càng thêm hăng-hái. Dần-dần nàng ngồi sát vào tôi, tôi thấy như ngồi bên lò sưởi. Khi tôi thấy tôi buồn, vì góc trời sáng rực là Hà-nội kia đã ở trước mắt, nghĩa là chúng tôi sắp phải xa nhau. Lúc bấy giờ tôi chỉ muốn cho con đường về Hà-nội nó dài thêm lên vài nghìn cây số. Phải, vài nghìn cây số hay là dài hơn, cho đến vô-cùng vô-tận chẳng nữa, lúc ấy đối với tôi nó cũng chẳng phải là dài gì. Rồi tôi quàng một tay vào cổ nàng. Nàng từ-từ ngả đầu vào vai tôi mà hát bài « Ôi ! Tình-yêu ». Tôi sướng quá. Tâm-thần mê-mẩn như bay bổng lên tận mấy tầng xanh. Tôi sẽ cui xuống hôn vào má nàng, thì... đành rằm một tiếng... tôi mở mắt ra thấy nằm ở đây. Nhìn sang bên này thấy ông nọ đang rên hừ-hừ, nhìn ra đằng kia thấy thầy khánh-hộ súng-sinh trong cái « blouse » trắng. Sờ lên đầu thấy bó băng, sờ vào sườn : bó băng, sờ xuống đùi : cũng bó băng. Thì ra, « lạc cực sinh bi », anh ạ. Đến bấy giờ tôi mới biết là tôi bị nạn, mà xuyt nữa thì quả-nhiên tôi đã đi về con đường vô-tận vô-cùng. Có lẽ lúc tôi hôn nàng vui sướng quá, nên quên cả chân đạp gaz lẫn tay cầm lái. Không biết lúc tôi nghe thấy « rằm » một tiếng đó là xe tôi đâm vào đâu ? Vào gốc cây chẳng ? Vào xe hỏa chẳng ? Hay xuống ruộng ? Còn người bạn gái của tôi ? ! Sống hay chết ? ! Còn chiếc xe ? Chiếc limousine tôi mới mua bốn nghìn ? Nhưng tôi không tiếc của đâu ! Tôi chỉ cần biết hơn hết là tình-mệnh người bạn gái của tôi mà thôi. Tôi khỏi cả rồi ! Dù nàng có xây ra thế nào chẳng nữa cũng không làm cho tôi tăng bệnh đâu ! Vậy mà tôi hồi mãi cũng không ai báo cho tôi biết cả. Anh có biết không ? ? Anh làm ơn báo cho tôi với ! ... Trời ! ...

TÙNG-TOÀN

VĂN = UYÊN

1

Ngổ cùng các ông Nghị mới

Mấy năm một khóa bầu Nghị-viên,
Nhà nước cho dân giữ lấy quyền ;
Các ông là người có nhiệt-huyết,
Vì dân vì nước không ngồi yên.

Việc nước ra tay gánh vác thử,
Lòng dân quá yêu, được trúng-cử ;
Chức-trách các ông thế mà to,
Thay mặt nhân-dân trong cả xứ.

Chức to nên phải nghĩ làm sao,
Chớ phụ lòng dân lúc kỷ bầu ;
Cùng ra ứng-cử, sao hơn phiếu ?
Đủ biết mười phần ta tin nhau.

Dân nước Nam ta vẫn ao-ước,
Quyền dân mỗi ngày rộng hơn trước ;
Các ông đã đứng thay mặt dân,
Từ nay hẳn được quyền bàn-bạc.

Tình dân bày tỏ cậy vào ai ?
Dân biểu nào là phải nói chơi !
Đừng mũi chày sào là phận-sự,
Đừng để dân ta mong mỗi hoài.

Phàm những công việc nên bàn nói,
Dân muốn thỉnh-cầu kẻ vô-khối ;
Ở nơi nghị-viện nên phân-trần,
Sao cho dân nước đôi đáng lợi.

Có lợi dân ta mới được nhờ,
Nếu mà không lợi dân không ưa ;
Mỗi năm cứ đến kỳ hội-nghị,
Kết-quả ra sao vẫn mong chờ.

Các nước đặt ra Hạ-nghị-viện,
Mở rộng dân quyền nghĩ đã chín ;
Nhờ ơn Bảo-hộ đất-dieu ta,
Cũng muốn văn-minh ngày một tiến.

Nghị-viên các nước thử xem sao,
Nghị-luận hùng-hồn kẻ biết bao !
Mới thật đáng danh là ông Nghị,
Dân ta được thế, mấy người đâu.

Nay ta ở vào thời-đại mới,
Chính-trị mỗi ngày thêm sửa đổi ;
Quyền lợi các ông ngày một to,
Bòn-phận các ông không thể chối.

* * *

Văn tế tiền ông thần hú

Than ôi !

Óc người thay đổi, đương thời kim
cử cổ mãi sao đang ; cuộc thế mở
mang, theo lối mới chắc cũ là phải bỏ.
Một chén tiền đưa ; mấy lời bày tỏ :
Như ông nay :
Ghét kẻ lạnh trai ; ưa người củ-rủ.
Tình chẳng hợp thời ; lòng hay nệ cổ.
Chết khản ưa lối xuềnh-xoàng ; đời
mũ cho là những-nhỏ.

Tại chẳng quen tiếng Pháp tiếng Anh ;
quê chừng ở nước Ngu nước Lô.

Cõi Viêm-bang đến ở từ bao ? khắp
hoàn-hải chẳng đâu thấy có.

Học chỉ nhớ Hán-cao Sĩ-thượng,
ngoài ra chẳng hay đến truyện cổ truyện
kim ; đường chỉ quanh Nam-Việt
Trung-hoa, ngoài ra chẳng còn có biết
đây biết đó.

Chốn hương-đàng buộc nhau đã hết
nước : ông nhiều ông xã, miếng thị
miếng xói ; chốn nho-lâm làm hại biết
bao người : thầy khóa thầy đồ, câu thơ
câu phú.

Chữ danh-phận giục lấy tiền mua
chuốc, bán cửa bán nhà ; việc ma-chay
xui bày cỗ linh-đình, mất người mất
của.

Vì ông mà thi nhau kiện cáo, vào
cửa quan lễ trắng lễ đen ; vì ông mà
học thói múa-mang, ở các điện khấn
xanh khăn đỏ.

Hỏi truyện bề băng núi lửa, ông cứ

lờ-mờ; nghe câu khi điện sức hơi, ông càng bở-ngỡ.

Quả địa-cầu tròn không, hễ cỡi, ông cứ rằng tròn có lẽ đâu; núi Thái-sơn cao chừa là bao, ông cứ bảo cao thì nhất nó.

Dại khôn khôn dại, ông không từng mở mắt ngó năm châu; ương dờ dờ ương, ông cứ chịu khoanh tay ngồi một xó.

Chướng cảnh-lĩnh mặc ai khua gõ, mẹ vẫn hoàn mẹ; đường văn-minh kẻ kẻ đua chen, hủ dàu có hủ!

Vậy nay :

Tiết gặp ngày xuân; lễ theo lối cũ.

Gọi chút lòng thành; xin ông chiếu cố.

Buông tha nhau mấy, thôi ông đứng âm mai nhân-dân; quanh quần làm chi? hay ông muốn bạn cùng Mán Thổ?

Đất giáp Văn-nam Lương-quảng, liện hỏa-xa xin về nước Chi-na; đường đi Can-quit Bông-bay, liện lâu thủy xin sang bên Ấn-đó.

Dương lúc Thành-minh trị nước, phải biết tìm nơi kiếm chốn, mà đi nguy chớ có lân-khẩn; nhờ ơn Bảo-hộ thương dân, cũng nên cao chạy xa bay, để nói mãi thì ra khắc-khò.

Văn tế Tô-hồng

..... dùm lấy... mọi lễ kính khẩn ở trước vị Tô-hồng Nguyệt-lão thiên-tiên rằng :

Thiên-tiên,

Lòng không thiên vị; tình chẳng riêng tây.

Chốn Đê-khuyết cao-xa lân bóng; việc nhân-duyên xâu tốt ở tay.

Luôi xuân xanh gái gái trai trai, khắp trong thiên-hạ; dây tơ đỏ xe xe buộc buộc, vẫn tự xưa nay.

Giờ nhân,

Ngày lành tháng tốt; phận đẹp duyên may.

Cầu ô đã bắc; tiệc hoa đã bày.

Đâu vớ rề dơi bên làm lễ; gái và trai hai họ ở đây.

Lễ mọn xin thiên-tiên chứng-giám; phúc lành cho vạn sự đều hay.

Thuận vợ thuận chồng, cung cầm-sắt tiếng hay khéo gầy; sinh con sinh cái, mộng hung-bi điềm tốt ứng ngay.

Được cùng nhau trăm tuổi bạc đầu, phượng loan vui vẻ; rồi có lúc một đoàn quanh gối, mai trúc xum vầy.

Nay kính khẩn

..

Tết Hàn-thực

(Tết mồng 3 tháng 3)

Mưỡu

Tết sao có tết nực cười!

Đèn hương ông vải giỗ người dàu dàu.

Thôi ta đừng bắt chước Tàu,

Nghìn năm thói cũ bấy lâu đã lắm.

Nói

Thấy tết hay rằng tết,

Cứ theo liều chẳng biết tại làm sao;

Người nước Tàu chết chấy tự đời nào,

Nước Nam-Việt thì nhau nay vẫn nhớ!

Giỗ người khác mà nhà ta cáo tở,

Ngâm cho cùng những-nhớ có ra chi!

Hương chi là tên cái tết nghĩa là gì?

Gọi « ăn lạnh » mà ta đây thì cứ hỏa.

Thử thị Nam-bang phi Bắc-thổ,

此是南邦非北土

Khởi ưng hàn-thực niệm tha-nhà.

豈應寒食念他人

Muốn bánh trôi bánh chay thì sao hôm

khác chẳng ăn?

Mà cứ phải bày về lân-mần ra cúng tết?

Chẳng nhớ giỗ cha-công chú-khiết,

Tổ-tiên mình có thiệt miếng ăn đâu!

Văn-minh ta phải bảo nhau.

Tương-giang thị N. T.

THỜI-ĐÀM

TIN NƯỚC PHÁP

Tin thêm về cải chính-sách tiết-kiệm

Giảm số viên-chức bộ Thuộc-địa

Quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa LAVAL lại vừa mới xin chữ ký quan Giám-quốc vào mấy đạo sắc-lệnh nữa, mục-dịch là giảm số các viên-chức phòng giấy các quan Phó Toàn-quyền, các viên-chức ngạch chuyên-môn và khoa-học, các sở canh-nông và các viên-chức ngạch thú-y ở các thuộc-địa, không kể xứ Đông-dương.

Các quan lại biểu-tình đề phản-đối sự giảm lương

Cải chính-sách tiết-kiệm của ông DOUMERGUE đem ra thi-hành tuy rằng được lòng quốc-dân, nhưng các quan lại đều bất-bình về sự giảm lương của họ. Vừa rồi các quan-lại các giới ở 140 châu-thành trong nước Pháp đều biểu-tình đề phản-đối, nhưng biểu-tình một cách ôn-hòa, nghĩa là chỉ nghị làm việc trong một giờ để tỏ ý bất-bình thôi, chứ không có sự gì bạo-động cả.

Cũng có nhiều liên-đoàn chỉ họp nhau làm một tờ kháng-ngộ gửi lên chính-phủ chứ không biểu-tình.

Ông Doumergue tuyên-cáo quốc-dân

Ông DOUMERGUE đã đọc một bài diễn-văn đề tuyên-cáo cùng quốc-dân, do

máy vô-luẩn truyền-thanh truyền khắp trong nước. Đại-ý ông nói rằng chính-phủ phải gặp nhiều sự khó khăn mới định được các phương-pháp vậy rồi. Ai cũng chỉ muốn cho người khác chịu thiệt-thòi hơn là mình, nhưng chính-phủ không thể tăng thuế được mà cũng không thể làm thiệt các tiểu-tư-hân. Vậy theo gương nhiều nước, cần phải giảm những sự tiêu của nhà nước, nghĩa là rút viên-chức và giảm các lương-bổ. Còn về khoản hưu-bổng thì chính-phủ sẽ xét lại các sắc-lệnh để cho các viên-chức khỏi phải thiệt-thòi. Chính-phủ rất vui lòng thấy các cựu-chiến-bi vì quốc-gia mà chịu thiệt-thòi chút ít.

Về việc hạ giá quan tiền, bao ông cũng vẫn phản-đối, như thế giấy bạc lất võ ra thêm nhiều.

Ông nói rằng quyền-thế của chính-phủ không khi nào lại để cho nước có thêm nhiều quyền-thế khác và các viên-chức lại biểu-tình trên các công-sở như thế được. Khôi-p xong nền tài-chính, ông sẽ khôi-p uy-quyền của chính-phủ. Trái-ph Pháp đã lãng-già mà vàng đã thấy lại nhà băng Đông-dương.

Pháp không thù oán gì Đức, nhưng cũng cần phải nhớ đến những bài dĩ-vãng mà đề-phòng cẩn-thận, rằng nước Pháp rất chuộng hòa-b. Muốn được hòa-bình, cả nước

đồng-tâm hợp-lực, vì rằng trong nước mà chia rẽ, tức là nước ấy tự-sát. . . .

Ông Laval muốn tổ-chức một cuộc hội-nghị chung các thuộc-địa

Ông PIERRE LAVAL, tổng-trưởng bộ Thuộc địa, định nội trong năm nay tổ-chức một cuộc đại-hội-nghị chung các thuộc-địa của Pháp. Ông đã giao việc thảo chương-trình hội-nghị này cho ông thư-trưởng GIGOUX.

Hội-nghị này sẽ lo chấn-hưng nền kinh-lễ và tài-chính cho nước Pháp và các thuộc-địa.

Tung-tích ông Trotzky

Sau khi thất-thế, ông nguyên ủy-viên bộ chiến-tranh, lãnh-tự đảng Công-sản Nga là LÉON TROZKY phải bỏ nước mà trốn đi, ai cũng tưởng là ông ta ở Corse, không ngờ ông vẫn ở trong nước Pháp. Mới rồi người ta thấy ông ở một cách bí-mật trong một cái nhà ở Barbizon với 6 người nữa. Một viên quan tòa đến khám xét chỗ ông ở thì thấy trên bàn có hai khẩu súng lục. Trozky có đưa ra tờ thông-hành của quan Nói-bộ thương-thư Pháp cho ông ngụ ở hạt Seine et Marne. Ông nói rằng sợ-dĩ ông phải trốn tránh như thế là vì bọn Bạch-Nga đang tìm giết ông để báo thù.

Khi được tin Trozky ngụ ở Barbizon, nhiều người kéo đến để xem mặt ông rất đông. Trong bọn đi xem này cũng chia ra hệ đảng rồi sinh ra sự xung-đột.

Theo lời xin của ông SARRAUT, chính-phủ đã trục-xuất Trozky ra khỏi nước Pháp, vì ông đã không theo đúng như tờ ông đã ký, hứa giữ trung-lập về mặt chính-trị cùng nước Pháp.

Việc Stavisky

Tại sao Stavisky không bị bắt?

Khi vụ Bayonne vỡ lở ra mà STAVISKY trốn được, ai cũng hỏi: Tại sao STAVISKY không bị bắt? Thì đây, tin ở Paris cho hay rằng ông RENÉ RENOULT có khai nạp trước ủy-ban điều-tra rằng chính ông vận-đóng cho STAVISKY khỏi bị bắt, mà ông đã được món tiền hồng là 50.000 quan.

TIN TÂY-BAN-NHA

Lại có nội-loạn.

Từ ngày Tây-ban-nha lập ra Dân-quốc đến nay vẫn thường có nội-loạn luôn. Ngày 22 Avril mới rồi lại có cuộc biểu-tình và cuộc xung-đột giữa bọn hữu-dảng với linh cảnh-sát và bọn công-sản. Ở gần Madrid, bọn vô chính-phủ đốt một cái nhà tu kín. Ở kinh-thành Madrid thỉnh-thoảng có bom nổ làm hư-hại rất nhiều. Nước dùng không chảy, ban đêm không có đèn. Trong những làng ở gần Madrid có một chuyến xe lửa và nhiều xe hơi bị bọn đình-công đánh phá. Rải-rác chỗ này chỗ khác, có cuộc xung-đột giữa dân-chúng với cảnh-sát. Có nhiều người bị thương và chết.

Ấn-xá 9.000 tội-nhân.

Quan Tổng-thống ZAMORA đã ký tên ban-hành luật ấn-xá cho 9.000 tội-nhân, trong số đó phần nhiều là chính-trị phạm. Nhờ vậy đại-tướng SAN JUAN là tay mưu cuộc đảo-chính hồi năm 1932 cũng với 106 đồng-đảng được tha cả.

Đảng hội-xã cực-lực phản-kháng đạo luật ấn-xá này. Họ định tổ-chức cuộc biểu-tình lớn để phản-đối.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Nhật không muốn cho nước nào giúp Tàu.

Chính-sách của Nhật đối với Tàu gần đây không muốn cho nước nào can-dự vào công việc giao-thiệp với Tàu. Ngoại-giao tổng-trưởng Nhật có nói về tình-hình Viễn-dông rằng Nhật đã đảm-nhận giữ cuộc hòa-bình ở Viễn-dông. Dư-luận các nước cho rằng nếu Nhật quả-quyết như vậy, thì chắc hẳn Nhật đã cùng Tàu bí-mật giao-kết rồi.

Báo *Baltimore Sun* viết rằng : « Nhật quyết ý làm chính-sách bảo-hộ đối với Tàu, nghĩa là Nhật sẽ kiểm-soát việc bang-giao của Tàu. Vậy ra về việc ngoại-giao và cả đến việc nội-trị, Tàu đều phải hỏi ý-kiến Đông-kinh cả ».

Chính-phủ Tàu cũng tỏ ý lo sợ. Ban ủy-viên ngoại-giao ở viện lập-pháp có hỏi Ông Tinh-Vệ về tình-hình Hoa-bắc ở cuộc hội-nghị Nam-xương. Ông Tinh-Vệ đã cắt nghĩa rõ-ràng về tình-hình Hoa-bắc, và nói rằng Hoàng Phu đang thương-lượng với Tống Tử-Văn về việc sửa-sang các khu-vực bị tàn-phá ở Hoa-bắc.

Các báo Tàu đều lấy làm bất-bình về cách cử-chỉ của Nhật, và cho lời nói của ngoại-giao tổng-trưởng là lời hăm-dọa Mĩ và Anh. Ông JOHN SIMON là tổng-trưởng ngoại-giao của Anh chưa tin lời nói ấy là lời nói chính-thực. Nhưng mấy viên-chức ở bộ Sứ-thận Nhật bên Luân-đôn cho là lời nói thực của Nhật vậy.

Viên đại-biêu cho bộ chiến-tranh Nhật vừa ngỏ ý-kiến riêng cùng phóng-viên hãng *Havas* về tờ thông-cáo của

bộ ngoại-giao nói rõ về chính-sách của Nhật đối với Tàu. Viên ấy nói :

— Tôi rất công-nhận bản thông-cáo đó. Xưa nay tinh-cách người phương Tây vẫn khác người Tàu. Vậy sự giúp đỡ của các người phương Tây, Tàu tưởng là hữu-ích lắm, biết đâu lại chẳng nguy-hiểm cho Tàu. Duy chỉ người Nhật là có thể xét rõ một chính-sách hay hay dở. Nếu người ngoại-quốc quả thực lòng mong có cuộc hòa-bình ở Viễn-dông, thì chỉ nên giữ một thái-độ là chờ có quấy rối một tình thế hiện nay đang sắp vũng ở Á-dông, nghĩa là việc Nhật Hoa hợp thành một tảng. Người ngoại-quốc đừng có làm thay đổi tình-thế này, như thế thì chờ giúp gì nước Tàu. Phải để cho Tàu tự-lập trong hai năm. Không một người Tàu nào đủ lực-lượng đứng vững tình-thế và đánh đổ được bọn cộng-sản.

Thái-độ Mĩ

Về lời tuyên-bố hôm 18 Avril của viên đại-biêu bộ Ngoại-giao Nhật vừa rồi, trong bộ Ngoại-giao Mĩ chưa tỏ rõ thái-độ gì, nhưng người ta chắc Mĩ sẽ phản-đối cái chính-sách của Nhật, vì cho là Nhật chực chiếm-đoạt cả các quyền-lợi ở Tàu. Tuy vậy, Mĩ sẽ cố hành-động để tránh khỏi găng nhau với Nhật và bao giờ cũng vẫn hợp lực với Anh.

Tình-hình miền Hoa-bắc

Cục-diện miền Hoa-bắc bề ngoài dẫu hòa hoãn, nhưng có cơ nguy. Các nhà giàu ở Bắc-binh Thiên-tân đều rời xuống miền Nam.

Quân Nhật ở Hoa-bắc càng ngày càng thấy hoạt-động, sắp mở cuộc tập trận lớn ở trong chiến-khu. Lại có một số đông cựu quân-quan chừng hơn trăm người, chia đi dò xét dọc bờ bề miền Hoa-bắc, hễ xem xét được điều gì liền đánh điện báo cho chính-phủ Đông-kinh.

Tại phía đông Sát-cáp-nhĩ, hai quân Nhật Mãn lại đến đóng thêm có hơn vạn người, tình-hình rất nghiêm-trọng.

Cửa ải Mã-lan-cốc quân Nhật vẫn chưa giao trả cho Tàu. Quân Nhật vẫn còn đóng ở đấy, vì thế nên việc tiếp-nhận còn đình lại.

Quân nghĩa-dũng ở Y-lan và ở Cáp-nhĩ-tân vẫn khởi lên đánh nhau với quân Nhật và phá hủy đường sắt Trung-đông.

Nem như thế thì quân nghĩa-dũng vẫn còn hoạt-động, mà người Nhật thì tuần xét miền Hoa-bắc càng ngày càng nghiêm.

Thu-hồi-tô-giới Nhật ở Tô-châu

Tin Nam-kinh nói: Tô-giới Nhật ở Tô-châu hạn-kỳ đã mãn, chính-phủ Giang-tô đã tư cho bộ Ngoại-giao, tiến-hành việc thu-hồi.

Tô-giới của Nhật ở Tô-châu là thuê từ năm 1895 sau trận chiến-tranh Trung Nhật, ký điều-trước Mã-quan. Đất thuê ấy ở vào huyện Thanh-dương bên ngoài cửa Tô-đông, kỳ-hạn thuê là 30 năm, hiện nay đã mãn. Bộ Ngoại-giao hiện đã thông-báo cho biết cái kế-hoạch tiến-hành việc tiếp-nhận.

Thái Đĩnh-Khải xuất-dương

Sau khi thất-bại ở Phúc-kiến, đạo quân 19 bị giải-tán, lãnh-tụ đạo quân ấy là Thái Đĩnh-Khải chạy ra Hương-cảng, ngày 12 vừa rồi, Thái đã cùng hai tướng bộ-hạ cũ là Đàm Khải-Tú và Khâm Triệu-Tham cùng một người thư-ký chữ Anh, xuống tàu xuất-dương, đi khảo-sát quân-sự ở các nước Âu, Mĩ.

VIỆC TRONG NƯỚC

Số tiền Đông-dương phải góp sang nước Pháp về năm 1934.

Theo đạo Luật Tài-chính ngày 28 tháng 2 năm 1934 về các khoản 21, 22, 23, và 24 thì Đông-dương phải góp sang nước Pháp trong năm 1934 như sau này :

I. — Góp tiền chi về binh-bị 65.198.000 quan, (số tổng-cộng các thuộc-địa phải góp là 74.423.000 quan).

II. — Góp tiền chi về quản-trị qui hư-bồng thuộc-địa 432.000 quan, (số tổng-cộng các thuộc-địa phải góp là 1.022.700 quan).

III. — Góp tiền chi về Nông-phổ thuộc-địa 214.255 quan, (số tổng-cộng các thuộc-địa phải góp là 426.250 quan).

IV. — Góp tiền chi về Kinh-tế-cục 1.325.000 quan, (số tổng-cộng các thuộc-địa phải góp là 4.048.408 quan.)

Cộng cả bốn món là 67.169.255 quan.

Số báo-chí ở Đông-dương tăng lên. — Năm 1932 các báo-chí ở Đông-dương có 318 thứ, năm 1933 tăng lên đến 357 thứ.

Riêng xứ Bắc-kỳ trong năm 1933 có 36 thứ báo chí ra đời; 15 thứ đình-bản.

Kề báo-chí bằng quốc-văn ở Bắc-kỳ trong khoảng mười năm nay (1923-1933, số nhật-báo tăng lên gấp ba (từ 4 lên đến 14), số tạp-chí tăng lên gấp bốn (từ 6 lên đến 28).

Các quan-chức Pháp ở Đông-dương bị rút lương. — Theo sắc lệnh ngày 14 tháng 3 năm 1934 thi-hành ở Đông-dương, kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1934, những viên-chức lương-bằng quá 12.000 quan một năm mà do sắc-lệnh bổ cùng các ngân-sách Đông-dương hay từng xứ phải chịu, sẽ phải rút lương-bằng cùng các tiền phụ-cấp. Những nhà nào có trẻ vi-thành-niên thì kể từ đứa thứ ba cứ mỗi con sẽ được miễn trừ 3.000 quan. Còn lương-bằng thì rút như sau này:

Lương-bằng từ 12.001 đến 15.000 quan phải rút 2 phần trăm.

Từ 15.001 đến 20.000 quan phải rút 3 phần trăm.

Từ 20.001 đến 25.000 quan phải rút 4 phần trăm.

Từ 25.001 đến 30.000 quan phải rút 5 phần trăm.

Từ 30.001 đến 50.000 quan phải rút 6 phần trăm.

Từ 50.001 đến 100.000 quan phải rút 7 phần trăm.

Từ 100.000 quan trở lên phải rút 8 phần trăm.

Số bạc đồng lưu-hành ở Đông-dương ta hụt đi đâu mất 81 triệu.

— Theo lời ông MATHEU chánh Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ nói chuyện với một người viết báo «Opinion» thì số bạc đồng lưu-hành ở Đông-dương về năm 1930 có 173 triệu đồng, mà năm nay chỉ thấy còn có 92 triệu đồng thôi, vậy hụt đi đâu mất 81 triệu đồng?

Hội cứu-tế Nam-kỳ giúp tiền cho những người An-Nam lao-động và du-học-sinh nghèo ở bên Pháp. — Vì ông Nguyễn Phan-Lông ở Pháp về nói người An-Nam sang học và sang làm ở Pháp, nhiều người bị

cùng quân làm, nên Hội Cứu-tế Nam-kỳ định giúp cho những người cùng-quê ấy một số tiền mười nghìn đồng bạc. Ngày 14 Avril đã gửi sang Pháp 1.400 đồng, ngày 21 lại gửi 3.000 đồng. Họ còn gửi đến đủ số 10.000 đồng mới thôi.

Quan Toàn-quyền án-xá ch nhiều tội-nhân. — Ngày 14 Avril quan Toàn-quyền ROBIN gửi điện-từ Pháp sang án-xá cho nhiều chửi trị phạm và thưởng-phạm.

Một cuộc «mét-tinh» ở Sài-gò

— Ngày 17 Avril, ở Sài-gòn có cuộc «mét-tinh», do Tổng-cục các nghiệp đoàn tổ-chức hội-hợp tại dinh T. và năm nghìn người Nam. Các ông B. S. BAILLE DE LANGBAUDIÈRE, NGUYỄN PHAN-LONG, Đốc-phủ B. V. SARRE lần-lượt lên diễn-dàn đọc mấy bài diễn văn nói mục-dịch cuộc hội-hợp này để thu-xếp nợ-nần, giảm lời-lãi, cải cách chế-độ tiền-lệ, duyệt định quốc-thuế với Trung-hoa, và phản-đối tư-bản. Lại đọc một bài định gửi sang Pháp cho quan Thủ-tướng, quan Tổng-trưởng lệ Thuộc-địa, quan Toàn-quyền ROBIN và ông Nghị OUTREY. Bài như sau này: «Tất cả các nông-gia thương-gia cực-lực phản-đối phải bản đã làm cho xứ này khôn ngoan mà cứu chữa được, và xin các lòng hiệp-sức cùng các quan T. hiển mới xứ này để cần kịp cứu các cái tình-thế kinh-tế».

Nghe đọc xong, các người dự kéo nhau đến trước nhà B. V. Đ. đương làm biểu-tình rồi kéo nhau dinh Xã-trưởng mời giải-tân.

Những người đồ-tú-tài sẽ đi bỏ tham-tá tập-sự. — Quan Toàn-quyền đã từ giã hồi các quan T.

hiến các công-sở và các quan đầu tỉnh xem mỗi sở muốn dùng độ bao nhiêu người tham-tá tập-sự, đề bổ những người có bằng tú-tài vào làm.

Sửa-dổi lại thể-lệ thăng trật cho các viên-chức — *Lệ cũ, các viên-chức lỏng-sự ở các công-sở từ hạng làm lên hạng nhất cứ mỗi hạn 18 tháng được tư thăng một trật, nay lệ mỗi hạn phải hai năm mới được tư thăng một trật.*

Trước các viên-chức hạng nhất lên thượng hạng phải qua một kỳ thi chuyên-nghiệp, nay không phải thi nữa.

Lễ kỷ-niệm nạn máy bay Eme-raude. — Ngày 21 Avril, tại Sài-gòn tưởng máy bay Tân-sơn-nhất làm lễ kỷ-niệm nạn «Emeraude». Có một khối đất lầy ở nơi máy bay bị nạn xứ Corbigny đem sang để ở chân đài kỷ-niệm đã dựng ở cửa trường bay.

Đức Bảo-đại phong vương cho ông Phan Thanh-Giản. — Ông Phan Thanh-Giản đỗ Tiến-sĩ, trải thờ ba triều Thành-tổ Hiến-tổ và Đức-tôn. Đời vua Tự-đức ông phụng mệnh sang sứ bên Pháp, sau về làm Khâm-sai Kinh-lược xứ Nam-kỳ. Khi ba tỉnh (Vinh-long, An-giang, Hà-tiên) bị thất-thủ, ông uổng thuộc tuần-tiết, bấy giờ bị tước đoạt quan chức, thu tiền bằng sắc hết cả. Đến năm Đồng-khánh lại được truy phục. Nay đức Bảo-đại ban sắc phong vương cho ông làng Long-hồ (tỉnh Vinh-long) thờ làm thành-hoàng.

Đồng bạc Đông-dương vẫn giữ giá cũ. — Tin Paris 24 Avril — Ủy-ban xét về vấn-đề đồng bạc Đông-dương sau khi làm việc trong 10 tháng trời đã đệ tờ trình, theo tờ trình này thì Ủy-ban xin cứ giữ y đồng bạc bằng kim-bản vị. Ủy-ban này có các ông NOGARO, OUTREY, PIÉTRI, GERMAIN MARTIN,

DABOUIN, LACOUR, GAYET và THION DE LA CHAUME.

Cấp học-bằng cho học-trò nghèo bậc Sơ-học và Cao-đẳng Tiều-học. — Ngự-dịnh quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 23 Avril 1934 nói về cấp học-bằng cho học trò nghèo bậc Sơ-học và Cao-đẳng Tiều-học như sau này :

Khoản thứ 1. — Có thể cấp cho các trẻ con (cả trai lẫn gái) dân thuộc Pháp, theo học các lớp ở bậc Tiều-học trong các trường Tiều-học Pháp-Việt và các lớp Cao-đẳng Tiều-học sáp-nhập vào các trường nói trên, những học-bằng theo như sau đây :

1) Cả hay nửa học-bằng cho các trường Tiều-học Pháp-Việt có ký-túc-xá. Không thể cấp học-bằng cho một học-sinh nào mà cha mẹ hay người đỡ đầu ngụ ở ngay nơi có trường mà học-sinh theo học.

2) Học-bằng riêng gọi là « tiền giúp-dỡ » cho các trường Tiều-học Pháp-Việt không có ký-túc-xá. Số tiền này chỉ cấp từ 3 đến 6 đồng một tháng cho các phụ-huynh nào nghèo để giảm nhẹ cái gánh nặng học-phi mà họ phải chịu cho con em họ. Số tiền này chỉ có thể đặc-cách cấp cho các học-sinh mà cha mẹ ở ngay nơi có trường mà con theo học.

3) Cả hay nửa học-bằng cho các lớp Cao-đẳng tiều-học sáp-nhập vào các trường Tiều-học Pháp-Việt. Cả hay nửa học-bằng này phải dùng số tiền mà người được hưởng có thể trả được tất cả hay một phần học-phi mà họ phải trả.

Khoản thứ 2. — Các học-bằng hoặc cả hay nửa này đều do quỹ hàng tỉnh hay thành-phố nào mà cha mẹ hay người đỡ đầu cho học-sinh ở phải chịu. Việc cấp phải có giấy người coi sóc công-quỹ và người này phải chịu trách-nhiệm.

Khoản thứ 3. — Những học-sinh theo học các lớp ở bậc tiều-học (Cours Moyens et Supérieurs) trong các trường Tiều-học

Pháp-việt hay các lớp Cao-dẳng tiêu-học sáp-nhập vào các trường ấy, có thể được cấp học-bổng cả hay nửa, hoặc một số tiền là khi nào xét ra gia-đình học-sinh ở trong một cảnh rất cùng-quần.

Khoản thứ 4. — Những đơn xin cấp học-bổng phải gửi tới quan đầu địa-hạt mà cha mẹ hay người đỡ đầu của học-sinh ngụ. Cái đơn này phải đưa tới quan đầu tỉnh hoặc Đốc-ly, Công-sứ hay Chánh-đạo quan-binh trong vòng tháng tiếp với ngày học-sinh được vào học lớp Cao-dẳng tiêu-học hay các lớp ở bậc tiêu-học.

Khoản thứ 5. — Những cha mẹ hay người đỡ đầu cho học-sinh muốn xin học-bổng cho con phải gửi theo đơn giấy má sau đây :

- 1) Một cái giấy khai-sinh của học-sinh.
- 2) Giấy nhận-thực học-sinh được vào học các lớp ở bậc Tiêu-học hay lớp Cao-dẳng tiêu-học và nếu có cần nên liệt kê cả số thứ-tự mà học-sinh được vào học.
- 3) Một cái giấy của nhà trường do ông đốc trường mà học-sinh theo học, trong giấy có phê rõ hạnh-kiêm và sự học của học-sinh.

Kèm vào tập hồ-sơ trên đây lại có một tờ giấy của các nhà đương-chức nói rõ về gia-cảnh của cha mẹ học-sinh.

Khoản thứ 6. — Những cha mẹ hay người đỡ đầu cho học-sinh trước đã được học-bổng rồi, nay hết hạn muốn xin lại cũng phải gửi đến quan đầu tỉnh những giấy má sau đây :

- 1) Một tờ chứng-chỉ của ông đốc trường mà học-sinh theo học nói rõ lớp hay năm mà học-sinh đang học.
- 2) Một bản sao các nốt và thứ bậc trong các kỳ thi, có chữ nhận-thực của ông hiệu-trưởng và lời ban khen hoặc chê về sự học và hạnh-kiêm của học-sinh.

Kèm vào các giấy má kê trên lại có một tờ giấy chứng-chỉ của các nhà đương-

chức nói về gia-cảnh học-sinh trong một năm vừa qua có thay đổi hay không.

Khoản thứ 7. — Những đơn xin cấp học-bổng phải do một hội-đồng duyệt. Hội-đồng do quan đầu tỉnh lập và có quan đầu tỉnh chủ-tọa, học-quan trong tỉnh, một thân-hào hàng tỉnh có nhiều con do quan đầu tỉnh cử ra.

Hội-đồng này lại có cả ông Đốc các khu mà có lớp Cao-dẳng tiêu-học sáp-nhập vào gặp trường-hợp mà hội-đồng phải xét đơn xin của học-sinh theo học các khu ấy.

Khoản thứ 8. — Hội-đồng họp do giấy của quan đầu tỉnh mời 2 tháng sau ngày khai trường. Trước nhất hội-đồng xét các đơn xin gia-hạn cấp học-bổng.

Học-bổng có thể gia-hạn cho cả hay cho một phần. Cái cơ học-bổng phải giảm là do gia-cảnh học-sinh đã khá hay cái kết quả sự học của học-sinh không được tốt. Những cơ kê trên có thể làm cho hội-đồng đề-cử không gia-hạn cấp học-bổng cho học-sinh nữa.

Sau khi đã định số học-bổng cả hay nửa được gia-hạn rồi, hội-đồng xét số tiền còn lại, và đề-cử cấp học-bổng mới. Hội-đồng sẽ xét các đơn xin theo thứ tự :

- a) Sức học của học-sinh xin cấp học-bổng.
 - b) Gia-cảnh của cha mẹ hay người đỡ đầu học-sinh.
 - c) Giấy của quan đầu hạt nói về hạnh-kiêm của học-sinh và gia-quyển học-sinh.
- Xong, bảy giờ hội-đồng mới đề-cử việc cấp học-bổng mới.

Những điều đề-cử của hội-đồng sẽ đề lên quan đầu tỉnh đề nghị định hẳn số học-bổng cho hợp với số tiền định gia-hạn và cấp học-bổng. Điều định của quan đầu tỉnh sẽ đề về quan Thống-sứ.

Khoản thứ 9. — Học-bổng sẽ trả từng phần một trong ba tam-cá-nguyệt trong

niên-học và mỗi lần trả phải có giấy chứng thực của ông đốc-trường mà học-sinh theo học, nói rõ rằng tam-cạ-nguyệt vừa qua học-sinh vẫn theo học. Số tiền này sẽ trả bằng ngân-phiếu đề tên cha mẹ học-sinh hay ông đốc-trường thí-sinh học nếu ông này giữ việc trả tiền học-phi. Nếu khi nào học-bổng phải trả tiền ăn học cho một học-sinh theo học một trường Tiểu-học Pháp-Việt có ký-túc-xá, hoặc trả học-phi cho một học-sinh theo học lớp Cao-dẳng Tiểu-học Pháp-việt, thì ngân-phiếu phải đề tên ông đốc trường hay lớp học-sinh theo học. Ông này lĩnh rồi trả khi bạc hàng tỉnh hay trong thành-phố giữ việc chi-tiền trong trường.

Khoản thứ 10. — Giữa năm học có thể giảm hoặc bãi hẳn học-phi nếu học-sinh đã làm cho ông đốc trường phải trình mình đề xin khiên-trách. Việc trừng-phạt này sau khi được quan Thống-sứ duyệt-y sẽ đưa cho người giữ trách-nhiệm về công quỹ giữ việc trả tiền học-bổng thi-hình.

Khoản thứ 11. — Việc trợ-cấp đặc-cách có thể do quan đầu tỉnh cho thẳng ngay được, bất cứ lúc nào trong niên-học, cho các gia-đình học-sinh theo học các lớp Cao-dẳng Tiểu học thlob-linh gặp cảnh khốn-quần do một cái tang hay một cuộc thay đổi về gia-sản mà không thể kham được học-phi của con em.

Khoản thứ 12. — Những đơn xin trợ-cấp này phải có các giấy má sau đây :

- 1) Giấy khai-sinh của học-sinh ;
- 2) Giấy của ông đốc trường học-sinh theo học nói rõ lớp mà học-sinh hiện đang học.
- 3) Bản sao các diêm và thứ bạc trong các kỳ thi với lời ông Đốc phê về sức học và hạnh-kiểm của học-sinh.

4) Giấy của các nhà đương-chức nói về gia-cảnh học-sinh và gia-sản của cha mẹ hay người đỡ đầu học-sinh thlob-linh

vì một cái tang hay một cuộc phân-chia gi mà phải xin trợ-cấp học-phi cho con em.

Khoản thứ 13. — Những điều khoản trước trái với đạo nghị-định này đều bãi đi.

Quan nguyên Toàn-quyền Klobukowski tạ thế. — Tin Paris 24 Avril, quan nguyên Toàn-quyền ANTONY KLOBUKOWSKI tạ-thế tối 23 ở Paris, ngài năm nay 79 tuổi. Xưa ngài đã từng trải làm Lãnh-sự ở Yokohama và Calcutta, làm đại-sứ ở Vọng-các và ở Lima, lãnh-sự ở Caire. Năm 1908 ngài làm Toàn-quyền Đông-dương. Năm 1911 làm đại-sứ Pháp ở Bruxelles. Năm 1921 Ngài đại biểu Pháp tại hội-nghị bồi-thường trong ủy-ban đặc-biệt do theo hiệp-ước Saint Germain. Ngài là con rể ông BAUL BERT. Ngày 26 đã làm lễ an-táng ngài tại Auxerre.

Đổi lại ngạch thuế tỉnh Tuyên-quang. — Trước dân lính Tuyên-quang chỉ đóng thuế tăng nóc nhà theo nghị-định ngày 2 Décembre 1902, nay kể từ năm 1935 trở đi dân lính ấy không được đóng thuế nóc nhà nữa, mà phải đóng thuế đình thuế điền như dân các tỉnh trung-châu, theo nghị-định ngày 26 Août 1920 và 14 Novembre 1925.

Tư thưởng huy-chương mỗi năm hai kỳ. — Chính-phủ Nam-triều và Ai-lao, Cao-miên mới định lại kỳ hạn thưởng huy-chương cho những người được tư, vậy quan Toàn-quyền đã tư cho các quan Thủ-hiến các xứ, các quan Giám-đốc các công-sở từ nay mỗi năm được hai kỳ đệ danh-sách tư xin thưởng huy-chương : xin thưởng về dịp 14 Juillet thì danh-sách phải đệ lên trước ngày 1 Mai, xin thưởng về dịp 1 Janvier thì danh-sách phải đệ lên trước ngày 1 Novembre. Còn xin thưởng về

Cao-miền bội-tình vào dịp lễ sinh-nhật quốc-vương MONIVONG thì danh-sách phải đệ lên trước ngày 1^{er} Février.

Giảm tiền học-phí ở các trường.

— Quan Thống-sứ Bắc-kỳ mới gửi cho ông Viên-trưởng viện Dân-biểu Bắc-kỳ một bức thư nói về việc giảm học-phí cho các trường như sau này :

Theo như đơn thỉnh-cầu của viện Nhân-dân đại-biểu Bắc-kỳ về sự giảm học-phí trong các trường Pháp-Việt để nhị cấp cũng là tiền ăn ở trong các ký-túc-xá các trường ấy, là những việc mà viện Dân-biểu đã từng thiết-tha xin, thì tôi nay có lời báo-cáo để ông rõ rằng đến vụ khai trường tới nơi này Chính-phủ sẽ thi-hành những lệ sau này :

1^o Phàm các khoản học-phí ở trong các lớp sơ-đẳng và các lớp tiểu-học sáp nhập với các trường Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt thì sẽ giảm đi hết ;

2^o Các khoản học-phí ở trong các lớp Cao-đẳng tiểu-học và trung học Pháp-Việt thì giảm đi mỗi tháng một đồng ;

3^o Tiền ăn ở trong các ký-túc-xá các trường bậc đệ nhị cấp cũng được giảm mỗi tháng hai đồng.

Quan-cảng Hải-phòng được phép thu thuế các hành-khách tàu biển.

— Hội-đồng quản-trị quan-cảng tự-lập Hải-phòng được phép thu thuế các hành-khách hoặc xuống tàu hoặc ở tàu lên trong địa-phận cảng ấy.

Thứ thuế đó theo như sau đây :

1^o Hành-khách hoặc từ Hải-phòng đi các bến Pháp và ngoại-quốc hoặc ở các bến ấy lại. Trừ các bến Trung-hoa từ quăng Hải-phòng đến Hương-cảng.

| | |
|-----------------------------------|----------------|
| Hành-khách đi hạng nhất mỗi người | 3.00 |
| — | nhì — 2.00 |
| — | ba — 1.00 |
| — | cầu tàu — 0.50 |

Đối với hành-khách ở bên Pháp xuống tàu thì thuế ấy tính bằng quan tiền Pháp theo thời-giá 10 quan.

2^o Hành-khách từ Hải-phòng đi các bến Trung-hoa từ Hải-phòng đến Hương-cảng hoặc từ các bến ấy lại :

| | |
|----------------------|--------------|
| Hành-khách hạng nhất | 1.50 |
| — | nhì 1.00 |
| — | ba 0.50 |
| — | cầu tàu 0.25 |

Trẻ con từ 3 đến 12 tuổi, đi tàu trả tiền, thì tiền thuế cũng được rút đi một nửa.

Các hạng hành-khách sau này được miễn thuế :

1^o) Hành-khách đi tàu bằng giấy phép của Chính-phủ hay của Chính-phủ thuộc địa.

2^o) Hành-khách tất cả các hạng, bất luận là người nước nào, hoặc đi đến các bến của Đông-dương và Quăng-châu-loại hoặc ở các nơi ấy lại.

3^o) Hành-khách xét ra là đi trốn vé, mà không thể nào lấy được vé.

4^o) Hành-khách không được phép lên bến Hải-phòng lại do các công-ty hàng hải phải chở không vé.

5^o) Trẻ con dưới 3 tuổi đi tàu không phải lấy vé.

Thứ thuế ấy thì do các hãng tàu phải thu cùng với tiền vé, trong hạn 8 hôm sau ngày tàu đến hay tàu đi thì phải nộp cho phòng kế-toán nhà Thương-chiến Hải-phòng. Tiền này kê là của quỹ riêng Quan-cảng Hải-phòng. Hội-đồng quản-trị có thể đem dùng tiền ấy để sửa chữa khuếch-trương quan-cảng được.

Ấn-xá về dịp lễ đại-hôn đứ Bảo-đại. — Ngày 27 Avril, phủ Toá-quyền đã báo-cáo cho công-chúng biết rằng trong dịp lễ Đại-hôn vừa rồi, đức Bảo-đại có ấn-xá cho 523 người do các tòa-án An-Nam kết tội.

Cuộc tổng-tuyển-cử Dân-biểu Bắc-kỳ. — Ngày 29 Avril là ngày tổng-tuyển-cử Dân-biểu các tỉnh trong xứ Bắc-kỳ. Danh-sách các ông trúng-cử ở các tỉnh như sau này:

HÀ-NỘI

Đại-biểu nhân-dân

Phạm Huy-Lục (là viện-trưởng Dân-biểu khóa trước, nay lại được tái-cử). Còn phải bầu lại một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Phải bầu lại cả.

HÀ-ĐÔNG

Đại-biểu nhân-dân

Đặng Văn-Dzự, Nguyễn Năng, Nguyễn Văn-Từ. Phải bầu lại hai ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Nguyễn Văn-Luân, Nguyễn Hữu-Như.

HẢI-PHÔNG

Đại-biểu nhân-dân

Paul Sen. Phải bầu lại một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Ich-Thành.

HẢI-DƯƠNG

Đại-biểu nhân-dân

Đỗ Đăng-Đạo, Bùi Qui-Liệu, Phạm Đình-Hựu, Phạm Đình-Miến.

Đại-biểu môn-bài

Vũ Văn-Thấu, Vũ Đức-Hinh.

HÀ-NAM

Đại-biểu nhân-dân

Bạch Văn-Ngọc, Bùi Trọng-Nga, Nguyễn Đức-Vinh.

Đại-biểu môn-bài

Bùi Thụy-Đông.

HUNG-YÊN

Đại-biểu nhân-dân

Nguyễn Hữu-Tạo, Trần Văn-An, Còn bầu lại một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Lâm Quang-Huy. Còn bầu một ông nữa.

KIẾN-AN

Đại-biểu nhân-dân

Lưu Văn-Điêm, Bùi Khắc-Minh.

Đại-biểu môn-bài

Trần Đình-Ái.

BẮC-NINH

Đại-biểu nhân-dân

Vũ Văn-An, Nguyễn Xuân-Hoảng, Trần Trung-Hòa.

Đại-biểu môn-bài

Nguyễn Văn-Sĩ, Vũ Đình-Hiên.

BẮC-GIANG

Đại-biểu nhân-dân

Đỗ Thúc-Phách, Vương Đình-Chân.

Đại-biểu môn-bài

Vũ Văn-Đại, Nguyễn Văn-Đào.

NAM-ĐỊNH

Đại-biểu nhân-dân

Lã Quý-Trạch, Vũ Ngọc-Liên, Đặng Văn-Khue, Đặng Gia-Vinh, Vũ Đình-Chúc, Đoàn Trọng-Toản. Phải bầu lại một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Nguyễn Tử-Bình, Nguyễn Như-Tuyên. Phải bầu lại một ông nữa.

NINH-BÌNH

Đại-biểu nhân-dân

Nguyễn Hải, Nguyễn Duy-Hi, Bùi Xuân-Linh.

Đại-biểu môn-bài

Nguyễn Trí-Thìn, Vũ Xuân-Cường.

PHÚC-YÊN

Đại-biểu nhân-dân

Lê Thăng.

Đại-biểu môn-bài

Vương Mão.

PHÚ-THỌ

Đại-biểu nhân-dân

Nguyễn Văn-Khôi. Còn bầu một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài

Phạm Huy-Nghiêm.

THAI-BÌNH

*Đại-biểu nhân-dân*Đào Thiện-Luận, Nguyễn Hữu-Bản.
Đào Xuân-Du, Lại Miên, Phạm Quang-Sinh, Nguyễn Văn-Lư.*Đại-biểu môn-bài*

Lã Qui-Chùy, Lại Nực.

THÁI-NGUYỄN

Đại-biểu nhân-dân

Mai Thế-Sen.

Đại-biểu môn-bài

Ứng Văn-Thịnh.

TUYÊN-QUANG

Đại-biểu nhân-dân

Hoàng Hữu-Nghĩa.

SON-TAY

Đại-biểu nhân-dân

Phạm Văn-Thắng. Phải bầu lại một ông nữa.

Đại-biểu môn-bài phải bầu lại cả.

VĨNH-YÊN

Đại-biểu nhân-dân

Trịnh Văn-Trạch, Dương Xuân-Bích

Đại-biểu môn-bài

Thành Xuân-Long.

Tình nào còn thiếu đại-biểu nào :
ngày mồng 6 Mai lại bầu nốt.

Ngày mồng 1 Mai. — Mồng 1 là ngày kỷ-niệm của Cộng-sản, Chính phủ có ra lệnh cho dự-phòng trước nên khắp trong cõi Đông-dương khó xảy ra điều gì cả

Giới-thiệu sách mới

Comment expliquer une fable

La Fontaine? — Của ông P. Lê Côi
Đắc soạn, in tại nhà in Đông-Ti
giá 0 \$ 10.

Xin giới-thiệu cùng đọc-giá.

NAM-PHONG TÙNG-THU

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lối-xích. giá 4 b

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 b

2. — Ba tháng ở Paris 4 b

3. — Văn-học nước Pháp 4 b

4. — L'idéal du Sage 4 b

5. — Chính-trị nước Pháp :

Quyển thứ I 4 b

Quyển thứ II 5 b

6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 b

7. — Lịch-sử thế-giới 4 b

8. — Le Paysan Tonkinois 4 b

9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 b

10. — Phật-giáo đại-quan.

(In lần thứ hai). 5 b

11. — La Poésie annamite. 4 b

12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 b